

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2026 CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Thông báo số 5296/TB-HĐTDVC ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành GD&ĐT năm 2026)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1	Huỳnh Thị Hoàng Uyên	09/10/1995	Nữ	Kinh	68.3		68.3	Giáo viên GDNN dạy CNTP	GDNN-GDTX Thoại Sơn
2	Dương Thúy Liễu	09/08/1990	Nữ	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên GDNN dạy CNTT	Trung cấp An Giang 1
3	Lưu Trần Anh Tú	26/10/2002	Nam	Kinh	56.4		56.4	Giáo viên GDNN dạy CNTT	Trung cấp An Giang 1
4	Võ Quốc Khải	20/11/2001	Nam	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên GDNN dạy Công nghệ Ô tô	Trung cấp An Giang 1
5	Lê Dĩ Khang	15/01/2001	Nam	Kinh	59.3		59.3	Giáo viên GDNN dạy Công nghệ Ô tô	Trung cấp An Giang 1
6	Nguyễn Nhật Trường Thuận	16/02/1999	Nam	Kinh	55.5	2.5	58.0	Giáo viên GDNN dạy Công nghệ Ô tô	Trung cấp An Giang 1
7	Lưu Ngọc Hào	08/08/2001	Nữ	Kinh	74.9		74.9	Giáo viên GDNN dạy Khách sạn - Nhà hàng, Du lịch	Trung cấp An Giang 1
8	Nguyễn Thị Anh Thư	22/08/2001	Nữ	Kinh	61.1		61.1	Giáo viên GDNN dạy Khách sạn - Nhà hàng, Du lịch	Trung cấp An Giang 1
9	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/02/1983	Nam	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên GDNN dạy Kỹ thuật Điện - Điện tử	Trung cấp An Giang 1
10	Danh Tấn Tài	29/03/1994	Nam	Khmer	50.0	5.0	55.0	Giáo viên GDNN dạy Kỹ thuật Xây dựng	Trung cấp An Giang 1
11	Lê Bá Phương Uyên	09/07/2002	Nữ	Kinh	59.8		59.8	Giáo viên GDNN dạy Luật	Trung cấp An Giang 1
12	Nguyễn Đỗ Khang Anh	19/08/1995	Nữ	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên GDNN dạy Luật	Trung cấp An Giang 1
13	Nguyễn Hoàng Anh	16/03/2002	Nam	Kinh	50.4		50.4	Giáo viên GDNN dạy Thú Y	Trung cấp An Giang 1
14	Huỳnh Thị Nhựt Dung	24/10/2001	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên GDNN dạy tiếng Anh	Trung cấp An Giang 1
15	Trần Gia Ngân Huỳnh	08/04/1999	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên GDNN dạy tiếng Anh	Trung cấp An Giang 1

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
16	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	11/08/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG An Thạnh Trung (xã Long Kiến)
17	Bùi Huyền Trăm	21/02/2004	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Ánh Dương (phường Vĩnh Thông)
18	Lê Thị Ngân	18/03/2004	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Ánh Dương (phường Vĩnh Thông)
19	Huỳnh Mơ	08/06/1994	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Ánh Dương (phường Vĩnh Thông)
20	Phạm Thị Lương	01/01/2003	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Giang (xã Bình Giang)
21	Trình Thị Kim Hương	26/10/2001	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Giang (xã Bình Giang)
22	Phạm Thị Thu Thắm	14/08/2002	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Hòa (xã Bình Hòa)
23	Phạm Thanh Trúc	18/09/1993	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Hòa (xã Bình Hòa)
24	Võ Thị Ngọc	10/08/1993	Nữ	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Phước Xuân (xã Cù Lao Giêng)
25	Huỳnh Lê Bảo Trân	18/09/1997	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Phước Xuân (Xã Cù Lao Giêng)
26	Trịnh Thị Mỹ Ngọc	18/05/1999	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Phước Xuân (Xã Cù Lao Giêng)
27	Mai Thị Ngọc Giàu	10/04/1993	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Bình Thạnh (xã Bình Hòa)
28	Huỳnh Thị Anh Khoa	20/11/1998	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Cần Đăng (xã Cần Đăng)
29	Trần Thị Mỹ Kiều	27/07/1996	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Cần Đăng (xã Cần Đăng)
30	Nguyễn Thị Diễm Mi	03/03/1992	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Đào Hữu Cảnh (xã Thạnh Mỹ Tây)
31	Trần Thị Nguyệt Hạ	10/02/1993	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Định Mỹ (xã Định Mỹ)
32	Phan Thị Thủy Hằng	28/08/2002	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Định Thành (xã Định Mỹ)
33	Hồng Thị Ngọc Vàng	20/03/1994	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Định Thành (xã Định Mỹ)
34	Hà Thị Ngọc Châu	08/03/1995	Nữ	Kinh	76.0		76.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Đoàn Thị Giàu (xã Mỹ Hòa Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
35	Cù Thị Hoàng Trang	30/06/1995	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Đoàn Thị Giàu (xã Mỹ Hòa Hưng)
36	Phạm Minh Thư	30/07/1996	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Đoàn Thị Giàu (xã Mỹ Hòa Hưng)
37	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	05/12/2003	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Đoàn Thị Giàu (xã Mỹ Hòa Hưng)
38	Nguyễn Hồng Thảo Vi	22/04/1996	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hòa Bình (xã Hội An)
39	Trần Thị Tuyết Anh	11/04/2002	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hòa Bình Thạnh (xã An Châu)
40	Trần Thị Thiệu	16/07/1994	Nữ	Kinh	76.0		76.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoa Mai (Phường Rạch Giá)
41	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ái	27/04/2000	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoa Mai (phường Rạch Giá)
42	Nguyễn Thị Huỳnh	20/03/2000	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoa Mai (phường Rạch Giá)
43	Huỳnh Thị Quỳnh Như	25/09/1999	Nữ	Kinh	80.0		80.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Họa Mi (phường Bình Đức)
44	Trần Thúy Hằng	21/09/1993	Nữ	Kinh	83.0		83.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Họa Mi (phường Rạch Giá)
45	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	15/05/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Họa Mi (xã Thạnh Đông)
46	Trương Khánh Vân	20/11/2003	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Oanh (phường Mỹ Thới)
47	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	16/04/1999	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Oanh (phường Mỹ Thới)
48	Nguyễn Ngọc Lan Nhi	20/03/1993	Nữ	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Oanh (phường Mỹ Thới)
49	Võ Thị Đẹp	13/10/1995	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Oanh (phường Mỹ Thới)
50	Phan Thị Mỹ Lành	20/02/1995	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Oanh (phường Mỹ Thới)
51	Thái Huỳnh Bạch Tuyết	16/12/1992	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Yến (xã Mỹ Hòa Hưng)
52	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/09/1992	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Yến (xã Mỹ Hòa Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
53	Huỳnh Lê Thiên Ý	20/01/2000	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Yến (xã Mỹ Hòa Hưng)
54	Huỳnh Thị Bảo Ngọc	19/10/2002	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hoàng Yến (xã Mỹ Hòa Hưng)
55	Nguyễn Thị Phi La	09/02/1995	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hội An (xã Hội An)
56	Nguyễn Thị Minh Như	18/09/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hội An (xã Hội An)
57	Nguyễn Thị Thu Lan	03/10/2003	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hướng Dương (phường Long Xuyên)
58	Nguyễn Đình Bích Hưng	01/01/1997	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hướng dương (phường Long Xuyên)
59	Hồ Thị Ngọc Tú	17/11/2000	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hướng dương (phường Long Xuyên)
60	Võ Thanh Thảo	10/07/2002	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hướng Dương (phường Long Xuyên)
61	Trương Thị Yến Nhi	19/03/1999	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Hướng Dương (phường Long Xuyên)
62	Huỳnh Yến Khoa	30/04/1998	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Khánh An (xã Khánh Bình)
63	Mai Thị Phi Giao	02/03/2002	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Khánh An (xã Khánh Bình)
64	Trần Thị Phương Trâm	12/05/1998	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Khánh An (xã Khánh Bình)
65	Nguyễn Thị Huyền Khanh	29/12/2002	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Kiến An (xã Chợ Mới)
66	Nguyễn Thị Phương Phi	08/11/1986	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Kiến Thành (xã Chợ Mới)
67	Đặng Thị Kim Phương	13/12/1991	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Lạc Quới (xã Ba Chúc)
68	Đào Thị Thùy Trang	18/03/1994	Nữ	Kinh	65.0		65.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Lê Chánh (xã Châu Phong)
69	Nguyễn Đặng Thúy An	26/04/2002	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Long Điền B (xã Long Điền)
70	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	17/10/2002	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Long Điền B (xã Long Điền)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
71	Huỳnh Nguyễn Bảo Trâm	19/10/1995	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Long Điền B (xã Long Điền)
72	Nguyễn Thị Ngọc Ly	25/05/1994	Nữ	Kinh	76.5		76.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Long Kiến (xã Long Kiến)
73	Nguyễn Thị Huyền Vy	21/11/2000	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Long Kiến (xã Long Kiến)
74	Trần Thị Tú Trinh	26/10/2002	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Long Kiến (xã Long Kiến)
75	Huỳnh Thanh Tâm	15/12/1995	Nữ	Kinh	83.0		83.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Măng Non (phường Rạch Giá)
76	Trần Thị Diễm Phúc	27/05/1989	Nữ	Kinh	78.5		78.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Măng Non (phường Rạch Giá)
77	Vũ Thị Hồng Thúy	17/09/1993	Nữ	Kinh	65.0		65.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Măng Non (phường Rạch Giá)
78	Trương Thị Yến Nhi	24/06/1991	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Măng Non (phường Rạch Giá)
79	Võ Thị Ngọc Yến	09/03/2000	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Măng Non (phường Rạch Giá)
80	Võ Thị Diễm	23/08/1999	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)
81	Nguyễn Thị Kim Ngân	28/05/2001	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)
82	Nguyễn Dương Huyền Diệu	29/02/1996	Nữ	Kinh	73.5		73.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Phú Bình (xã Bình Thạnh Đông)
83	Đặng Thị Kiều	01/03/1998	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Phú Hội (xã An Phú)
84	Trần Thị Bích Thùy	03/02/2000	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Phước Hưng (xã Nhơn Hội)
85	Lâm Mỹ Duyên	10/10/2003	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Sen Hồng (phường Châu Đốc)
86	Lâm Thị Ánh Tuyết	28/03/2001	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Sen Hồng (phường Châu Đốc)
87	Lê Thị Kim Tuyền	28/05/1999	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Tân An (xã Tân An)
88	Lê Thị Ngọc Tú	05/08/2003	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Tân Lợi (phường Chi Lăng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
89	Trần Thị Trung	05/05/1985	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Tấn Mỹ (xã Cù Lao Giêng)
90	Trần Thị Lan	05/10/2002	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Tân Thành (xã Tân Hội)
91	Bùi Thị Tuyết	15/08/1996	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Thạnh Lộc 1 (xã Thạnh Lộc)
92	Nguyễn Thị Ô	21/11/1994	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Thạnh Lộc 1 (xã Thạnh Lộc)
93	Danh Thị Sa	15/08/1996	Nữ	Khmer	61.0	5.0	66.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Thạnh Lộc 2 (xã Thạnh Lộc)
94	Nguyễn Thị Kim	12/10/1999	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Thạnh Trị (xã Thạnh Đông)
95	Đỗ Thị Như	17/11/2003	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Thị Trấn Chợ Mới (xã Chợ Mới)
96	Nèang Sóc	09/12/2000	Nữ	Khmer	55.0	5.0	60.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Văn Giáo (xã An Cư)
97	Ngô Thị Việt	28/11/1998	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vành Khuyên (phường Bình Đức)
98	Nguyễn Thị Kim	15/11/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vĩnh Bình (xã Vĩnh An)
99	Danh Thị Bé	10/12/2004	Nữ	Khmer	50.0	5.0	55.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vĩnh Hòa Phú (xã Bình An)
100	Nguyễn Thị Chúc	19/10/1984	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vĩnh Hòa Phú (xã Bình An)
101	Trương Ngọc Quế	13/09/2002	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vĩnh Lợi (xã Cần Đăng)
102	Phan Thị Bích	01/01/1992	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vĩnh Trạch (xã Vĩnh Trạch)
103	Trần Thị Thanh	18/01/1999	Nữ	Kinh	83.0		83.0	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vọng Đông (xã Óc Eo)
104	Huỳnh Thị Kiều	01/08/1996	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên mầm non hạng III	MG Vọng Đông (xã Óc Eo)
105	Nguyễn Như	01/07/1996	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN An Minh Bắc 1 (xã U Minh Thượng)
106	Lê Nguyễn Thúy	21/04/1995	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Ánh Dương (phường Vĩnh Tế)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
107	Cao Thị Cẩm	Nhi	06/10/1997	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Bãi Thơm (đặc khu Phú Quốc)
108	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/03/1996	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Bàn Tân Định (xã Giồng Riềng)
109	Nguyễn Thùy	Trang	12/01/2004	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Bình An (xã Bình An)
110	Nguyễn Thị Minh	Thùy	07/10/1995	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Bình Minh (phường Rạch Giá)
111	Cao Thị Bé	Hai	27/12/1993	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Bình Minh (phường Rạch Giá)
112	Nguyễn Nhã	Phấn	08/07/2001	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Bình Minh (phường Rạch Giá)
113	Thị Cẩm	Hường	28/07/1994	Nữ	Khmer	57.0	5.0	62.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Bình Trị (xã Kiên Lương)
114	Neáng Kim	Sang	10/04/2001	Nữ	Khmer	55.8	5.0	60.8	Giáo viên mầm non hạng III	MN Cô Tô (xã Cô Tô)
115	Phù Ái	Mũi	11/01/1995	Nữ	Hoa	68.0	5.0	73.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Cửa Cạn (đặc khu Phú Quốc)
116	Trương Hồ Kiều	Oanh	19/06/2002	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Dân tộc Chăm (xã Châu Phong)
117	Lê Cẩm	Tú	02/07/2004	Nữ	Kinh	73.0		73.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Đông Hưng (xã An Minh)
118	Đặng Thị Thu	Hiền	04/01/2003	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Đông Hưng (xã An Minh)
119	Đinh Thị Phương	Nhi	09/05/1999	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Đông Hưng B (xã An Minh)
120	Đỗ Hồng	Liên	20/09/1993	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Dương Đông (đặc khu Phú Quốc)
121	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/02/1994	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Dương Đông (đặc khu Phú Quốc)
122	Danh Thị Ánh	Liên	26/12/2001	Nữ	Khmer	51.0	5.0	56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
123	Lương Thị Thu	Đình	03/07/2003	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
124	Trương Minh Phương	Uyên	10/06/1998	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hà Tiên (phường Hà Tiên)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
125	Võ Thị Kim Chi	21/03/2002	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hồ Thị Nghiêm (đặc khu Phú Quốc)
126	Nguyễn Thị Tú Sương	16/11/2004	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hòa Chánh (xã Vĩnh Hòa)
127	Danh Huỳnh My	05/09/2003	Nữ	Khmer	73.0	5.0	78.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hoa Hồng (phường Rạch Giá)
128	Huỳnh Thị Mỹ Viên	16/05/1999	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hoa Hồng (phường Rạch Giá)
129	Lương Cao Thanh Tuyền	01/10/2003	Nữ	Hoa	53.0	5.0	58.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hoa Hồng (phường Rạch Giá)
130	Danh Thị Ngọc Thúy	08/10/2000	Nữ	Khmer	50.0	5.0	55.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hoa Hồng (phường Rạch Giá)
131	Nguyễn Yến Oanh	03/03/1990	Nữ	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hoa Hồng (phường Rạch Giá)
132	Phan Thị Tiền	14/05/1999	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Họa Mi (xã Giồng Riềng)
133	Phan Thị Bảo Châu	08/03/1998	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hướng Dương (phường Rạch Giá)
134	Đinh Thị Phương Thùy	28/10/2004	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Hướng Dương (phường Rạch Giá)
135	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/02/2001	Nữ	Kinh	68.0		68.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Long Sơn (phường Tân Châu)
136	Trần Thị Thắm Quyên	13/01/2001	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Long Sơn (phường Tân Châu)
137	Phạm Thanh Mẫn	18/11/2004	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Long Thạnh (xã Long Thạnh)
138	Nguyễn Trần Ngọc Linh	06/10/2003	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Lương An Trà (xã Vĩnh Gia)
139	Ngô Hồng Gấm	30/01/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Minh Hòa (xã Châu Thành)
140	Nguyễn Ngọc Kiều Vy	01/09/2004	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Mỹ Hiệp Sơn (xã Mỹ Thuận)
141	Thị Diễm Sương	06/4/1996	Nữ	Khmer	56.3	5.0	61.3	Giáo viên mầm non hạng III	MN Mỹ Thuận (xã Mỹ Thuận)
142	Thị Thanh Hiền	15/06/1999	Nữ	Khmer	52.5	5.0	57.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Nam Thái (xã Đông Thái)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
143	Đặng Diễm My	15/04/1990	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Ngôi Sao (phường Rạch Giá)
144	Võ Thị Kỳ Anh	10/02/2002	Nữ	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Núi Voi (phường Chi Lăng)
145	Đoàn Thị Bảo Trân	05/10/2002	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Phú Thọ (xã Phú An)
146	Hồ Lê Minh Ngọc	27/05/2002	Nữ	Kinh	71.8		71.8	Giáo viên mầm non hạng III	MN Sao Mai (phường Tân Châu)
147	Hồ Bảo Vẹn	30/12/1996	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Sao Mai (phường Tân Châu)
148	Trần Thị Mai	22/09/2000	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Sen Hồng (phường Rạch Giá)
149	Võ Thị Ngọc Quyền	11/02/1993	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Tà Đảnh (xã Cô Tô)
150	Nguyễn Thị Huỳnh Sa	22/06/1994	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Tân Thạnh (xã Tân Thạnh)
151	Nguyễn Tuyền Xuyên	16/06/1996	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Tây Yên A (xã Tây Yên)
152	Huỳnh Thị Bé Nương	10/11/1991	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Thạnh Yên A (xã Vĩnh Hòa)
153	Huỳnh Thị Diệu	28/02/1999	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Thị trấn An Châu (xã An Châu)
154	Thái Thị Yến Nhi	14/06/1996	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Thị trấn An Châu (xã An Châu)
155	Trần Thúy Hằng	18/06/1996	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Thị trấn An Châu (xã An Châu)
156	Đoàn Thị Thùy Trang	12/07/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Thị trấn Tri Tôn (xã Tri Tôn)
157	Đặng Ngọc Như	20/11/2000	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vân Khánh Tây (xã Vân Khánh)
158	Nguyễn Thị Kim Son	16/01/1990	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vành Khuyên (phường Rạch Giá)
159	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	23/02/2003	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Hòa Hưng Nam (xã Vĩnh Hòa Hưng)
160	Huỳnh Thị Loan	09/01/2004	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Hòa Hưng Nam (xã Vĩnh Hòa Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
161	Bùi Thị Bích Trang	20/11/2000	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Phú (xã Vĩnh Điều)
162	Phạm Thị Bé Sáu	10/09/1991	Nữ	Kinh	58.3		58.3	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Phước A (xã Vĩnh Tuy)
163	Huỳnh Thị Minh Đoan	05/02/2000	Nữ	Khmer	51.0	5.0	56.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Phước B (xã Gò Quao)
164	Võ Minh Tiến	19/01/1999	Nam	Kinh	80.0		80.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Tế (phường Vĩnh Tế)
165	Lê Thị Thanh Tuyền	09/09/1993	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Tế (phường Vĩnh Tế)
166	Lê Kim Sang	15/02/2001	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Thắng (xã Vĩnh Tuy)
167	Hoàng Ngọc Trâm	23/11/2003	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Thắng (xã Vĩnh Tuy)
168	Lê Thị Như Ý	19/12/1998	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Thạnh (xã Long Thạnh)
169	Thái Thị Vàng	01/01/1999	Nữ	Kinh	90.0		90.0	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Trường (xã Vĩnh Hậu)
170	Phạm Thị Cẩm Duyên	26/04/2002	Nữ	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Tuy (xã Vĩnh Tuy)
171	Nguyễn Mai Quỳnh	16/04/2004	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên mầm non hạng III	MN Vĩnh Tuy (xã Vĩnh Tuy)
172	Lê Thị Thu Thảo	19/10/1991	Nữ	Kinh	56.3		56.3	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	PTDTNT THCS Hà Tiên
173	Trần Thị Thảo Yến	14/02/2003	Nữ	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	TH và THCS Phan Chu Trinh (phường Chi Lăng)
174	Hồ Quang Kỳ Thái	19/04/1999	Nam	Kinh	77.8		77.8	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS Đoàn Bảo Đức (xã Long Kiến)
175	Đỗ Vinh Quang	21/3/1993	Nam	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS Nguyễn Bình Khiêm (phường Rạch Giá)
176	Phan Phương Tín	1/4/1991	Nam	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)
177	Huỳnh Thanh Thiện	30/05/1999	Nam	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS Phú Hòa (xã Phú Hòa)
178	Nguyễn Thị Thuý Phương	17/11/1998	Nữ	Kinh	68.8		68.8	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS Tân An (xã Tân An)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
179	Nguyễn Phúc	Đăng	09/09/1995	Nam	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS Thanh Phước (xã Thanh Hưng)
180	Trần Bích	Ngọc	25/11/1986	Nữ	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS và THPT Bàn Tân Định
181	Lê Văn	Lộc	09/05/1998	Nam	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên THCS môn Âm nhạc	THCS Vĩnh Thạnh Trung 2 (xã Vĩnh Thạnh Trung)
182	Dương Thị Kim	Quy	01/01/1989	Nữ	Kinh	62.3		62.3	Giáo viên THCS môn Công nghệ	THCS Long Thạnh (phường Tân Châu)
183	Lê Minh	Thức	24/10/2003	Nam	Kinh	53.3		53.3	Giáo viên THCS môn Công nghệ	THCS Và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc
184	Bùi Văn	Mãi	09/01/2003	Nam	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên THCS môn Công nghệ	THCS Vĩnh Hòa Hưng Nam (xã Vĩnh Hòa Hưng)
185	Nguyễn Thị	Chăm	04/07/1989	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên THCS môn Công nghệ	THCS Vĩnh Tuy (xã Vĩnh Tuy)
186	Cao Đặng Tuyết	Nhi	03/03/2003	Nữ	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên THCS môn Địa lý	PTDTNT THCS An Biên
187	Huỳnh	Đức	23/08/2000	Nam	Kinh	50.0	2.5	52.5	Giáo viên THCS môn Địa lý	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
188	Đoàn Mai	Thi	3/8/2002	Nữ	Kinh	56.3		56.3	Giáo viên THCS môn Địa lý	TH và THCS Huỳnh Tổ (xã Long Thạnh)
189	Nguyễn Văn	Nghiệp	15/06/1991	Nam	Kinh	63.3		63.3	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Bình Phú (xã Châu Phú)
190	Trần Thị Y	Phụng	20/10/2003	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Bình San (phường Hà Tiên)
191	Lương Thị Thúy	Hằng	7/5/2003	Nữ	Kinh	77.3		77.3	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Đông Hồ (phường Hà Tiên)
192	Dương Thị Tường	Vi	25/06/2003	Nữ	Kinh	67.3		67.3	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Đông Hưng B (xã An Minh)
193	Trương Quốc	Phước	15/11/1991	Nam	Kinh	50.8		50.8	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Dương Đông 1 (đặc khu Phú Quốc)
194	Trần Lê Hồng	Hạnh	24/7/2003	Nữ	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Lý Thường Kiệt (phường Long Xuyên)
195	Trịnh Bảo	Nghi	29/11/2003	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Mỹ Đức (phường Hà Tiên)
196	Huỳnh Văn	Tâm	9/4/2003	Nam	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Mỹ Quý (phường Long Xuyên)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
197	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	27/05/1999	Nữ	Kinh	50.8		50.8	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Mỹ Thới (phường Mỹ Thới)
198	Võ Thị Tuyết	Nga	23/03/1991	Nữ	Kinh	54.3		54.3	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Phú An (xã Phú An)
199	Phan Thanh	Hậu	24/02/2003	Nam	Kinh	72.5		72.5	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Phú Thành (xã Chợ Vàm)
200	Lê Hồng	Hải	15/12/1988	Nam	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Tây Phú (xã Tây Phú)
201	Phạm Thị Lan	Nghi	21/11/2003	Nữ	Kinh	72.8		72.8	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Triệu Thị Trinh (phường Long Xuyên)
202	Hồ Đăng	Huy	04/12/2003	Nam	Kinh	71.0		71.0	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS và THPT U Minh Thượng
203	Hoàng Trung	Hiển	06/03/1986	Nam	Kinh	61.3		61.3	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Vĩnh Hòa Hiệp (xã Bình An)
204	Đặng Thị Trúc	Lan	25/7/2000	Nữ	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên THCS môn Địa lý	THCS Vĩnh Thạnh Trung (xã Vĩnh Thạnh Trung)
205	Danh Ngọc	Vui	21/11/1994	Nữ	Khmer	52.0	5.0	57.0	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Bình Giang (xã Bình Giang)
206	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/1/2003	Nữ	Kinh	67.3		67.3	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Hòa Điền (xã Hòa Điền)
207	Sóc Minh	Khiêm	28/05/1998	Nam	Khmer	70.8	5.0	75.8	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Kiên Lương (xã Kiên Lương)
208	Tạ Thị Cẩm	Tiên	16/10/2003	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Kiên Lương (xã Kiên Lương)
209	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	15/5/1986	Nữ	Kinh	61.3		61.3	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Long Thạnh (phường Tân Châu)
210	Danh	Đội	1/5/1987	Nam	Khmer	55.5	5.0	60.5	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Minh Thuận 3 (xã U Minh Thượng)
211	Nguyễn Duy	Khánh	10/8/1987	Nam	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Ngô Sĩ Liên (phường Vĩnh Thông)
212	Trương Thị Dạ	Thủy	24/05/1995	Nữ	Kinh	79.3		79.3	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS Nguyễn Bình Khiêm (xã Núi Cấm)
213	Lê Lữ Thành	Thạo	04/8/1992	Nam	Kinh	57.5	5.0	62.5	Giáo viên THCS môn GDCD	THCS và THPT Phú Tân
215	Đoàn Tuyết	Nhi	07/3/2002	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THCS môn GDTC	TH và THCS Phan Chu Trinh (phường Chi Lăng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
216	Nguyễn Thanh Bách	22/01/2001	Nam	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS Bình Thạnh (xã Bình Hòa)
217	Nguyễn Thị Kim Sang	05/04/1994	Nữ	Kinh	52.3		52.3	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS Cần Đăng (xã Cần Đăng)
218	Nguyễn Ngô Anh Duy	16/08/2003	Nam	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS Nguyễn Cao Cảnh (xã Long Điền)
219	Nguyễn Thị Ngọc Hân	25/5/1998	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS Nguyễn Du (phường Rạch Giá)
220	Trương Minh Đạt	22/04/1999	Nam	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS Nguyễn Văn Ba (xã Hội An)
221	Bùi Thanh Vân	14/10/1990	Nam	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS Ô Long Vĩ (xã Thạnh Mỹ Tây)
222	Nguyễn Phúc Đức	21/10/2000	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS Phú Mỹ (xã Giang Thành)
223	Nguyễn Hoàng Huynh	23/02/1997	Nam	Kinh	51.3		51.3	Giáo viên THCS môn GDTC	THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc
224	Nguyễn Minh Anh	10/3/2003	Nữ	Kinh	70.8		70.8	Giáo viên THCS môn Hóa học	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
225	Lâm Quốc Kiệt	16/04/2003	Nam	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên THCS môn Hóa học	TH và THCS Hòa Điền 2 (xã Hòa Điền)
226	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	26/07/2003	Nữ	Kinh	68.8		68.8	Giáo viên THCS môn Hóa học	TH và THCS Hòn Nghệ (xã Hòn Nghệ)
227	Châu Kiều Nương	19/11/1999	Nữ	Kinh	61.5		61.5	Giáo viên THCS môn Hóa học	TH và THCS Ngọc Thuận (Xã Ngọc Chúc)
228	Nguyễn Hoàng Việt	05/09/2003	Nam	Kinh	58.8		58.8	Giáo viên THCS môn Hóa học	TH và THCS Thạnh Đông A (xã Thạnh Đông)
229	Trần Thị Diễm Quỳnh	10/8/2003	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THCS môn Hóa học	TH và THCS Thạnh Đông A (xã Thạnh Đông)
230	Nguyễn Ngọc Minh Thư	31/03/2001	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên THCS môn Hóa học	TH và THCS Vĩnh Điều (xã Vĩnh Điều)
231	Trần Văn Âu	06/06/1999	Nam	Kinh	65.8		65.8	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Đông Hồ (phường Hà Tiên)
232	Dương Trung Tín	15/08/1994	Nam	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Đông Hòa 2 (xã Đông Hòa)
233	Lê Thị Lan Phương	26/08/1990	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Đông Hưng A (xã Đông Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
234	Phan Thị Yến	24/09/1994	Nữ	Kinh	57.3		57.3	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Kiên Lương (xã Kiên Lương)
235	Nguyễn Bạch Đồng	25/06/2003	Nữ	Kinh	72.5		72.5	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Mai Thị Hồng Hạnh (xã Giồng Riềng)
236	Phan Trần Hồng Yến	13/08/2002	Nữ	Kinh	62.5		62.5	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Minh Thuận 3 (xã U Minh Thượng)
237	Nguyễn Huỳnh Kim Trang	11/03/2002	Nữ	Kinh	74.0		74.0	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Phú Thành (xã Chợ Vàm)
238	Lê Thụy Tường	12/7/2003	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Thạnh Hưng (xã Thạnh Hưng)
239	Lê Thị Bông	01/01/1996	Nữ	Kinh	77.3		77.3	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Trần Hưng Đạo (phường Bình Đức)
240	Trần Thị Như Bình	22/03/1998	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Vĩnh Phú (xã Vĩnh Điều)
241	Phạm Thị Thu Hương	20/01/1996	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên THCS môn Hóa học	THCS Vĩnh Thạnh Trung (xã Vĩnh Thạnh Trung)
242	Nguyễn Thị Ngọc Quý	21/10/2003	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn Lịch sử	PTDTNT THCS Giồng Riềng
243	Mai Lê Bích Vân	28/11/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THCS môn Lịch sử	TH và THCS Cửa Dương (đặc khu Phú Quốc)
244	Đặng Văn Tình	6/1/2003	Nam	Kinh	52.8		52.8	Giáo viên THCS môn Lịch sử	THCS Tô Châu (phường Tô Châu)
245	Dương Thị Hiền	11/07/1993	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THCS môn Lịch sử	THCS và THPT Bình Chánh
246	Nguyễn Thị Yến Nhi	15/3/1995	Nữ	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên THCS môn Lịch sử	THCS và THPT Phú Tân
247	Vũ Thị Giao Linh	10/11/2003	Nữ	Kinh	68.5		68.5	Giáo viên THCS môn Lịch sử - Địa Lý	TH và THCS Minh Thuận 2 (xã U Minh Thượng)
248	Nguyễn Thị Bích Hợp	16/05/2001	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên THCS môn Lịch sử - Địa Lý	TH và THCS Vĩnh Phước (xã Vĩnh Gia)
249	Võ Thị Thanh Nguyên	16/10/2003	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn Lịch sử - Địa Lý	THCS Phú Hội (xã An Phú)
250	Trần Thanh Ngoan	18/10/1986	Nam	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên THCS môn Mỹ Thuật	THCS Đông Hưng (xã An Minh)
251	Lại Tuấn Anh	09/09/1985	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn Mỹ Thuật	THCS Kiên Lương (xã Kiên Lương)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
252	Trương Đình Khải	02/1/2000	Nam	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THCS môn Mỹ Thuật	THCS Phú Mỹ (xã Phú Tân)
253	Trần Thị Đài Trang	27/04/1999	Nữ	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
254	Trương Thị Hồng Vân	15/11/1987	Nữ	Kinh	63.8		63.8	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS An Hòa (xã Bình Hòa)
255	Huỳnh Thị Kim Uyên	26/09/2002	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS An Minh Bắc (xã U Minh Thượng)
256	Đoàn Phương Linh	8/10/2002	Nữ	Kinh	68.0		68.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Bình An (xã Bình An)
257	La Thị Mỹ Hạnh	13/03/1997	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Bình An (xã Bình An)
258	Hồ Văn Sang	07/03/1988	Nam	Kinh	62.8		62.8	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Chu Văn An (phường Rạch Giá)
259	Dương Thị Y Bình	06/09/2002	Nữ	Kinh	81.0		81.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Đông Hòa 1 (xã Đông Hòa)
260	Phạm Bích Vân	09/07/2002	Nữ	Kinh	77.3		77.3	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Giục Tượng (xã Châu Thành)
261	Thạch Thị Hồng Xuân	8/2/2003	Nữ	Khmer	59.3	5.0	64.3	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Giục Tượng (xã Châu Thành)
262	Trương Thị Mỹ Xuyên	06/11/1993	Nữ	Kinh	57.8		57.8	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Gò Quao (xã Gò Quao)
263	Thái Đắc Liệt	12/01/2001	Nam	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Gò Quao (xã Gò Quao)
264	Lê Văn Nhân	8/5/2003	Nam	Kinh	75.5		75.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Hòa Bình Thạnh (xã An Châu)
265	Trần Tú Anh	03/12/1986	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Hùng Vương (phường Rạch Giá)
266	Nguyễn Hoàng Mai Anh	31/10/2003	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Khánh An (xã Khánh Bình)
267	Neáng Sa Vinh	02/05/2000	Nữ	Khmer	56.5	5.0	61.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Lý Thường Kiệt (phường Long Xuyên)
268	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	23/8/1999	Nữ	Kinh	70.8		70.8	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Minh Lương (xã Châu Thành)
269	Trần Ngọc Khải	29/11/2003	Nam	Kinh	68.5		68.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Mỹ Quý (phường Long Xuyên)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
270	Trần Ngọc Minh Phương	30/08/2003	Nữ	Kinh	66.3		66.3	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Đình Chiểu (phường Châu Đốc)
271	Nguyễn Phạm Bích Trâm	28/04/1996	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Du (phường Rạch Giá)
272	Đỗ Xuân Ngọc	16/11/1980	Nữ	Kinh	55.8		55.8	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Du (phường Rạch Giá)
273	Trần Thị Mộng Linh	16/03/1995	Nữ	Kinh	55.8		55.8	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Sinh Sắc (phường Vĩnh Tế)
274	Lê Diệu Linda	24/04/1998	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Trãi (phường Rạch Giá)
275	Trương Thị Ngọc Điệp	10/08/1988	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Ô Lâm (xã Ô Lâm)
276	Nguyễn Văn Tấn	11/10/2001	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Thạnh Lộc (xã Thạnh Lộc)
277	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	04/01/1998	Nữ	Kinh	64.3		64.3	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Thuận Yên (phường Tô Châu)
278	Quách Mộng Tuyền	12/09/1989	Nữ	Hoa	58.0	5.0	63.0	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Thuận Yên (phường Tô Châu)
279	Mai Thị Thanh Hà	1/5/1991	Nữ	Kinh	85.5		85.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Trần Hưng Đạo (phường Bình Đức)
280	Võ Thị Thu Thảo	10/8/1997	Nữ	Kinh	77.5		77.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Trương Công Thận (xã Cù Lao Giêng)
281	Trần Huỳnh Gia Vy	19/11/2003	Nữ	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS và THPT Bình Chánh
282	Mai Bảo Châu	05/11/2003	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THCS môn Ngữ văn	THCS Vĩnh Thạnh Trung (xã Vĩnh Thạnh Trung)
283	Nguyễn Thị Huyền Trân	13/07/2003	Nữ	Kinh	63.8		63.8	Giáo viên THCS môn Sinh học	TH và THCS An Minh Bắc 3 (xã U Minh Thượng)
284	Phan Thị Yến Nhi	27/8/1998	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên THCS môn Sinh học	THCS Đông Hồ (phường Hà Tiên)
285	Võ Thị Gia Mỹ	11/9/1994	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn Sinh học	THCS Đông Hòa 1 (xã Đông Hòa)
286	Huỳnh Thị Thu Thảo	08/05/2003	Nữ	Kinh	74.0		74.0	Giáo viên THCS môn Sinh học	THCS Lý Thường Kiệt (phường Long Xuyên)
287	Trần Ngọc Hân	03/01/2003	Nữ	Kinh	59.8		59.8	Giáo viên THCS môn Sinh học	THCS Thạnh Phước (xã Thạnh Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
288	Đặng Thị Bích	Như	29/06/2003	Nữ	Kinh	51.8		51.8	Giáo viên THCS môn Sinh học	THCS Vĩnh Phong 1 (xã Vĩnh Phong)
289	Ong Thanh	Ly	15/08/1988	Nam	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Cù Đút (phường Hà Tiên)
290	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	04/12/2001	Nữ	Kinh	87.0		87.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Đông Thọ (xã Thanh Đông)
291	Kiều Thị	Thuý	12/3/2000	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
292	Nguyễn Anh	Thư	25/08/2002	Nữ	Kinh	68.0		68.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Hòa Lợi (xã Hòa Hưng)
293	Lê Yến	Khoa	24/05/2002	Nữ	Kinh	68.0		68.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Hòa Thuận (xã Hòa Thuận)
294	Hồ Yến	Nhi	23/11/2003	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Hòn Đất 2 (xã Hòn Đất)
295	Lê Quang	Huy	25/08/2001	Nam	Kinh	82.0	5.0	87.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Minh Thuận 2 (xã U Minh Thượng)
296	Lê Thị Nhựt	Di	05/08/2001	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Minh Thuận 2 (xã U Minh Thượng)
297	Trương Hoài	Thư	19/9/2003	Nữ	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Nam Du (đặc khu Kiên Hải)
298	Trần Hải	Đăng	09/11/2002	Nam	Kinh	79.5		79.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Nam Thái A (xã Đông Thái)
299	Trần Thị	Mộng	18/11/1997	Nữ	Kinh	68.5		68.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Nguyễn Văn Rỗ (xã Giồng Riềng)
300	Nguyễn Thị Trúc	Ly	19/01/2002	Nữ	Kinh	87.3		87.3	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Sơn Hải (xã Sơn Hải)
301	Nguyễn Thị	Hạnh	29/12/1987	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Vĩnh Bình Nam 1 (xã Vĩnh Bình)
302	Lê Tài	Đức	15/02/1996	Nam	Kinh	72.8		72.8	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	TH và THCS Vĩnh Phú B (xã Vĩnh Điều)
303	Dương Thị Tuyết	Mơ	4/5/1999	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS An Minh Bắc (xã U Minh Thượng)
304	Phan Bích	Ngọc	18/09/1989	Nữ	Kinh	53.3		53.3	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS An Sơn (đặc khu Kiên Hải)
305	Nguyễn Phương	Nhung	06/01/1999	Nữ	Kinh	75.0		75.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Bình An (xã Bình An)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
306	Bùi Hồng	Nữ	16/05/1990	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Bình An (xã Bình An)
307	Lã Thị Khánh	Ngân	26/08/2002	Nữ	Kinh	89.0		89.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Bình Giang (xã Bình Giang)
308	Trần Thu	Minh	05/01/2003	Nữ	Kinh	90.3		90.3	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Bình Phú (xã Châu Phú)
309	Nguyễn Phạm Trà	My	27/03/2003	Nữ	Kinh	80.0		80.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Chu Văn An (phường Rạch Giá)
310	Nguyễn Hà	Vi	29/01/2001	Nữ	Kinh	78.5		78.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Đa Phước (xã Vĩnh Hậu)
311	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2002	Nữ	Kinh	58.8		58.8	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Giồng Kè (xã Bình Giang)
312	Bồ Thị Kiều	Anh	09/09/1988	Nữ	Kinh	70.5		70.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Giục Tượng (xã Châu Thành)
313	Nguyễn Trần Hoa	Thiên	26/05/1997	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Hiệp Xương (xã Bình Thạnh Đông)
314	Nguyễn Bình Khánh	Duy	20/09/2000	Nam	Kinh	62.5		62.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Hòa Chánh (xã Vĩnh Hòa)
315	Trần Thị Hồng	Vy	23/8/2001	Nữ	Kinh	70.5		70.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Hòa Điền (xã Hòa Điền)
316	Nguyễn Huyền	Tiên	15/01/2003	Nữ	Kinh	88.0		88.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Khánh Bình (xã Khánh Bình)
317	Trần Khả	Trân	19/7/2002	Nữ	Kinh	87.0		87.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn (phường Rạch Giá)
318	Nguyễn Thanh Anh	Thư	24/03/2003	Nữ	Kinh	65.0		65.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Lương An Trà (xã Vĩnh Gia)
319	Ngô Thị Xuân	Hương	16/01/1991	Nữ	Kinh	96.0		96.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Mạc Đĩnh Chi (phường Long Xuyên)
320	Vương Thị Kiều	Như	27/10/2002	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Mỹ Hưng (phường Vĩnh Thông)
321	Nguyễn Huyền	Trân	27/01/2001	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Nam Thái (xã Đông Thái)
322	Nguyễn Thái Kim	Ngân	5/8/1995	Nữ	Kinh	82.0		82.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Ngô Sĩ Liên (phường Vĩnh Thông)
323	Nguyễn Thị Bích	Tuyên	03/04/2001	Nữ	Kinh	74.8		74.8	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
324	Nguyễn Gia Linh	24/09/2000	Nữ	Kinh	79.8		79.8	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Phú Bình (xã Bình Thạnh Đông)
325	Trần Bảo Trọng	21/11/2002	Nam	Kinh	75.5		75.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Phú Mỹ (xã Giang Thành)
326	Đỗ Tài Thanh	20/08/2003	Nam	Kinh	83.0		83.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Phú Vĩnh (xã Châu Phong)
327	Phan Thị Minh Thư	3/11/2003	Nữ	Kinh	71.0		71.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Phú Xuân (xã Phú An)
328	Lê Thị Tường Vy	11/06/2001	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Phước Hưng (xã Nhơn Hội)
329	Võ Thị Kim Cúc	31/01/2000	Nữ	Kinh	89.0		89.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Quốc Thái (xã Nhơn Hội)
330	Phan Lâm Uyên	10/10/2001	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Sơn Bình (xã Sơn Kiên)
331	Trần Thị Mai Thảo	16/04/2003	Nữ	Kinh	89.0		89.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Tân Khánh Hòa (xã Giang Thành)
332	Vũ Hoàng Quốc Hưng	06/02/2000	Nam	Kinh	86.8		86.8	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Thạnh Trị (xã Thạnh Đông)
333	Phạm Hoa Lam	7/1/2002	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Thạnh Yên (xã Vĩnh Hòa)
334	Trần Thị Ngọc Liên	06/9/2000	Nữ	Kinh	65.3		65.3	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Thạnh Yên A (xã Vĩnh Hòa)
335	Lê Dương Thanh Trúc	18/03/2003	Nữ	Kinh	73.0		73.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS và THPT Cô Tô
336	Thị Yến Nhi	15/06/2001	Nữ	Khmer	64.0	5.0	69.0	Giáo viên THCS môn Tiếng Anh	THCS Vĩnh Phước B (xã Gò Quao)
337	Thạch Thị Đa Huy	03/07/2002	Nữ	Khmer	80.3	5.0	85.3	Giáo viên THCS môn tiếng Khmer	PTDTNT THCS An Biên
338	Thị Cửa	14/09/1999	Nữ	Khmer	62.5	5.0	67.5	Giáo viên THCS môn tiếng Khmer	PTDTNT THCS An Biên
339	Danh Thị Kim Sa	11/2/2002	Nữ	Khmer	76.5	5.0	81.5	Giáo viên THCS môn tiếng Khmer	PTDTNT THCS Châu Thành
340	Thị Cẩm Nhi	06/02/1998	Nữ	Khmer	82.5	5.0	87.5	Giáo viên THCS môn tiếng Khmer	PTDTNT THCS Giồng Riềng
341	Thị Tâm	10/06/1995	Nữ	Khmer	78.3	5.0	83.3	Giáo viên THCS môn tiếng Khmer	PTDTNT THCS Gò Quao

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
342	Đỗ Xuân	Trịnh	01/4/1986	Nam	Kinh	56.0	5.0	61.0	Giáo viên THCS môn Tin học	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
343	Nguyễn Thị Cẩm	Sương	4/11/2002	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THCS môn Tin học	TH và THCS Nguyễn Văn Rỗ (xã Giồng Riềng)
344	Liên Thị Thục	Ân	25/12/2003	Nữ	Kinh	70.8		70.8	Giáo viên THCS môn Tin học	TH và THCS Trần Hưng Đạo (phường Vĩnh Thông)
345	Nguyễn Thị	Dung	25/05/1991	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Đông Hưng B (xã An Minh)
346	Đào Ngọc	Tiền	25/02/1998	Nam	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Dương Đông 1 (đặc khu Phú Quốc)
347	Trần Thanh	Bình	20/02/1995	Nam	Kinh	64.5	5.0	69.5	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Dương Tơ (đặc khu Phú Quốc)
348	Nguyễn Trường	Vũ	13/01/2003	Nam	Kinh	70.8		70.8	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Lê Hưng Nhượng (xã Hội An)
349	Lý Thị Ngọc	Cầm	01/11/2003	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Nguyễn Đình Chiểu (phường Châu Đốc)
350	Hồ Minh	Vương	20/10/2003	Nam	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Nguyễn Quang Sáng (xã Long Điền)
351	Phạm Quốc	Thắng	25/04/1985	Nam	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Nguyễn Sinh Sắc (phường Vĩnh Tế)
352	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	19/01/1997	Nữ	Kinh	75.0		75.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Phú Bình (xã Bình Thạnh Đông)
353	Trịnh Hoàng	Long	15/09/1984	Nam	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Phú Thuận (xã Phú Hòa)
354	Trần Thị	Diễm	12/11/1987	Nữ	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Tây Yên A (xã Tây Yên)
355	Nguyễn Hồng	Khanh	25/02/1988	Nam	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Thạnh Lộc 2 (xã Thạnh Lộc)
356	Lê Hiền	Dương	26/10/2000	Nam	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Thị trấn Tri Tôn (xã Tri Tôn)
357	Lê Ngọc	Quý	31/10/2003	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Thủ Khoa Huân (phường Châu Đốc)
358	Phan Nhựt	Hào	01/11/2003	Nam	Kinh	88.0		88.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS và THPT Bình Long
359	Phạm Thị Ngọc	Mai	17/7/2003	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên THCS môn Tin học	THCS Vĩnh Hòa Hiệp (xã Bình An)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
360	Võ Thị Thiên Nhi	23/07/2003	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên THCS môn Toán	PTDTNT THCS Hà Tiên
361	Nguyễn Chí Tấn	01/01/1995	Nam	Kinh	50.8		50.8	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Cù Đút (phường Hà Tiên)
362	Vũ Thị Trà Giang	24/6/1998	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Minh Thuận 4 (xã U Minh Thượng)
363	Phan Ngọc Lan Anh	04/08/1999	Nữ	Kinh	55.8		55.8	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Nam Du (đặc khu Kiên Hải)
364	Trần Phi Yến	17/04/2003	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Nam Thái A (xã Đông Thái)
365	Võ Thị Ngọc Huyền	22/08/2003	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Nguyễn Trung Trực (đặc khu Phú Quốc)
366	Nguyễn Phạm Huỳnh Liên	01/09/2000	Nữ	Kinh	56.3		56.3	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Thanh Hòa (xã Giồng Riềng)
367	Ngô Kim Dót	01/01/1992	Nữ	Kinh	79.5		79.5	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Trần Hưng Đạo (phường Vĩnh Thông)
368	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	14/02/2002	Nữ	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Vĩnh Điều (xã Vĩnh Điều)
369	Nguyễn Văn Hùng	9/12/1987	Nam	Kinh	76.5		76.5	Giáo viên THCS môn Toán	TH và THCS Vĩnh Phú B (xã Vĩnh Điều)
370	Đỗ Thị Ngân	26/03/2002	Nữ	Kinh	62.5		62.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS An Lạc (xã Bình An)
371	Lê Trần Thanh Trúc	22/10/1999	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS An Lạc (xã Bình An)
372	Huỳnh Phúc Thương	02/11/2003	Nam	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS An Minh Bắc (xã U Minh Thượng)
373	Nguyễn Ngọc Hân	30/09/2003	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Đa Phước (xã Vĩnh Hậu)
374	Triệu Yến Linh	08/09/2003	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Đông Hòa 1 (xã Đông Hòa)
375	Huỳnh Lê Thùy Vương	26/06/2003	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Đông Hòa 1 (xã Đông Hòa)
376	Lâm Thạch Vũ	23/08/1998	Nam	Kinh	66.8		66.8	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Dương Hòa (phường Tô Châu)
377	Phạm Thị Hồng Ngân	01/11/1989	Nữ	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Giục Tượng (xã Châu Thành)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
378	Tô Ngọc	Huyền	15/02/1998	Nữ	Kinh	85.3		85.3	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Hòa Chánh (xã Vĩnh Hòa)
379	Nguyễn Thị	Khiếu	11/11/1998	Nữ	Kinh	83.8		83.8	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Hòa Điền (xã Hòa Điền)
380	Thái Thành	Can	10/4/2000	Nam	Kinh	70.8		70.8	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Lương Phi (xã Ô Lâm)
381	Nguyễn Thiên	Long	20/1/2003	Nam	Kinh	75.5		75.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Mỹ Đức (phường Hà Tiên)
382	Võ Kiều	Mẫn	18/12/2003	Nữ	Kinh	78.0		78.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Nam Thái (xã Đông Thái)
383	Nguyễn Thị Mộng	Tươi	02/07/1990	Nữ	Kinh	61.5		61.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Ngô Sĩ Liên (phường Vĩnh Thông)
384	Liêu Thiêng	Lâm	01/01/2003	Nam	Khmer	64.8	5.0	69.8	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Nguyễn Bình Khiêm (xã Núi Cấm)
385	Võ Trường	An	30/01/2003	Nam	Kinh	76.0		76.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)
386	Nguyễn Võ Hồng	Băng	23/11/2003	Nữ	Kinh	75.5		75.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Phú Hội (xã An Phú)
387	Phạm Mỹ	Huyền	05/12/2003	Nữ	Kinh	74.5		74.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Tân Hòa (xã Tân Hội)
388	Võ Văn	Thái	21/03/2003	Nam	Kinh	62.3		62.3	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Tây Phú (xã Tây Phú)
389	Dương Thị Quỳnh	Như	04/3/1996	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Thạnh Lộc (xã Thạnh Lộc)
390	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	13/2/1992	Nữ	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Thạnh Lộc 1 (xã Thạnh Lộc)
391	Đỗ Hồng	Vy	22/12/2002	Nữ	Kinh	53.3		53.3	Giáo viên THCS môn Toán	THCS và THPT Long Thạnh
392	Phạm Thị Hồng	Nhi	02/01/1998	Nữ	Kinh	72.5		72.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS và THPT Phú Tân
393	Lê Quốc	Khải	24/06/2003	Nam	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS và THPT U Minh Thượng
394	Trần Thanh	Duy	01/5/2003	Nam	Kinh	78.5		78.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Vĩnh Hanh (xã Vĩnh Hanh)
395	Lương Bảo	An	16/4/1998	Nam	Kinh	82.3		82.3	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Vĩnh Hòa Hiệp (xã Bình An)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
396	Trần Hoàng Khải	16/12/2002	Nam	Kinh	75.8		75.8	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Vĩnh Phong 1 (xã Vĩnh Phong)
397	Ngô Thị Ngọc Diệu	30/08/2003	Nữ	Kinh	76.0		76.0	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Vĩnh Phước A (xã Vĩnh Tuy)
398	Huỳnh Thị Kim Châu	27/10/2003	Nữ	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Vĩnh Thạnh Trung (xã Vĩnh Thạnh Trung)
399	Võ Thị Hằng Ni	2/8/1999	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên THCS môn Toán	THCS Vĩnh Thuận (xã Vĩnh Thuận)
400	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/07/2002	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	TH và THCS Ngọc Chúc (xã Ngọc Chúc)
401	Trần Thuỳ Nhân	7/10/1996	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	TH và THCS Phan Chu Trinh (phường Chi Lăng)
402	Nguyễn Thị Mai Hiền	07/09/1989	Nữ	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên THCS môn Vật lý	TH và THCS Vĩnh Điều (xã Vĩnh Điều)
403	Lâm Đăng Khoa	22/04/2003	Nam	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS An Minh (xã An Minh)
404	Lê Thị Thon	11/11/1995	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Bình An (xã Bình An)
405	Điền Thị Tiến	05/8/1996	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Bình San (phường Hà Tiên)
406	Lê Như Huỳnh	3/4/1998	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Bình Thạnh Đông (xã Bình Thạnh Đông)
407	Đinh Thanh Luyến	15/10/1983	Nữ	Kinh	63.5	5.0	68.5	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Bùi Hữu Nghĩa (phường Long Xuyên)
408	Lại Thị Ngọc Trang	03/12/1996	Nữ	Kinh	75.0		75.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Giục Tượng (xã Châu Thành)
409	Lâm Ngọc Khánh Huyền	03/06/1993	Nữ	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Hòa Bình Thạnh (xã An Châu)
410	Nguyễn Thị Hồng Loan	23/07/1985	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Minh Hòa (xã Châu Thành)
411	Danh Thị Tâm	20/3/1994	Nữ	Khmer	58.0	5.0	63.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Ngô Sĩ Liên (phường Vĩnh Thông)
412	Ngô Anh Thư	27/12/1991	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Nguyễn Du (phường Rạch Giá)
413	Lương Nguyễn Thanh Thư	11/08/1997	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS Nguyễn Trường Tộ (phường Rạch Giá)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
414	Phạm Thị Thu Hiền	20/01/1996	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên THCS môn Vật lý	THCS và THPT Bình Long
415	Võ Huỳnh Huy	01/10/2003	Nam	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên THPT môn Âm nhạc	THPT Châu Thành
416	Nguyễn Duy Đức Tín	14/05/2003	Nam	Kinh	60.3		60.3	Giáo viên THPT môn Âm nhạc	THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa
417	Trần Hồng Nhiên	20/04/1989	Nữ	kinh	54.5		54.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	GDNN-GDTX Châu Thành
418	Bùi Văn Lực	14/12/2003	Nam	Kinh	51.3		51.3	Giáo viên THPT môn Địa lý	GDNN-GDTX Châu Thành
419	Nguyễn Thị Kim Phương	30/12/2003	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	GDNN-GDTX cụm đặc khu Phú Quốc
420	Nguyễn Thị Kim Duyên	27/12/2002	Nữ	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
421	Trương Công Ân	12/12/1992	Nam	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	GDNN-GDTX cụm Hà Tiên
422	Nguyễn Thiên Bảo	23/08/2002	Nam	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THPT môn Địa lý	GDNN-GDTX Thoại Sơn
423	Lương Thị Thuý Hương	28/09/1999	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	GDNN-GDTX Thoại Sơn
424	Nguyễn Thị Hồng Ngân	15/03/2002	Nữ	Kinh	76.5		76.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THCS và THPT Long Thạnh
426	Khuu Minh Đông	25/06/2001	Nam	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THCS và THPT Thới Quản
427	Trần Thị Thùy Dương	03/10/2003	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THCS và THPT Vĩnh Phong
428	Lê Thùy Dung	25/11/1991	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
429	Lý Thị Huỳnh Như	22/08/2003	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT An Phú
430	Nguyễn Trọng Khang	23/10/2003	Nam	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Châu Thành
431	Trần Quang Trung	10/03/2003	Nam	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Châu Thị Tế
432	Phạm Hà Duy	04/07/2001	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
433	Nguyễn Thái Bảo	02/03/2003	Nam	Kinh	80.5		80.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Giồng Riềng
434	Huỳnh Thị Mỹ Ngọc	27/03/2003	Nữ	Kinh	57.3		57.3	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Nguyễn Bình Khiêm
435	Nguyễn Thanh Nguyên	10/10/2003	Nam	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Nguyễn Hiền
436	Đặng Tiểu Long	14/02/2003	Nam	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Nguyễn Trung Trực 2
437	Nguyễn Quốc Lê Huy	18/08/2002	Nam	Kinh	54.8		54.8	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Nguyễn Văn Thoại
438	Huỳnh Trần Như Hà	19/06/1992	Nữ	Kinh	54.8		54.8	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Sóc Sơn
439	Lê Thị Cẩm Ly	16/02/2003	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Thạnh Mỹ Tây
440	Nguyễn Thị Vân Anh	22/05/2003	Nữ	Kinh	77.5		77.5	Giáo viên THPT môn Địa lý	THPT Võ Thành Trinh
441	Võ Thị Trúc Linh	12/08/1995	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên THPT môn GDKTPL	GDNN-GDTX An Phú
442	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	15/11/1996	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên THPT môn GDKTPL	GDNN-GDTX Châu Thành
443	Phạm Quốc Thịnh	18/01/1996	Nam	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên THPT môn GDKTPL	GDNN-GDTX cụm Hà Tiên
444	Nguyễn Ý Nhi	12/09/2000	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THCS và THPT Bình Long
445	Trần Văn Mo	17/01/1989	Nam	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp
446	Lê Hoài Phong	22/02/2003	Nam	Kinh	59.8		59.8	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THPT An Minh
447	Phạm Thị Ánh Hường	17/09/1990	Nữ	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THPT Long Xuyên
448	Hàn Nguyễn Minh Anh	02/11/2003	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THPT Ngô Sĩ Liên
449	Trần Thị Cẩm Yên	28/04/2000	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THPT Nguyễn Văn Thoại
450	Trần Văn Sứ	13/08/1996	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THPT Phú Quốc

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
451	Nguyễn Ngọc Sơn	27/03/2003	Nam	Kinh	64.5	5.0	69.5	Giáo viên THPT môn GDKTPL	THPT Sóc Sơn
452	Hứa Thị Ngọc Lam	01/02/1999	Nữ	Khmer	53.0	5.0	58.0	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THCS và THPT Bàn Tân Định
453	Nguyễn Khắc Tiệp	09/09/1982	Nam	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THCS và THPT U Minh Thượng
454	Danh Thị Ngọc Niềm	15/11/2003	Nữ	Khmer	75.5	5.0	80.5	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THPT Châu Thành
455	Trần Thiện Nhân	25/07/2003	Nam	Kinh	82.5		82.5	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
456	Huỳnh Thanh Bình	21/09/1991	Nam	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
457	Nguyễn Thái Pháp	08/10/2003	Nam	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THPT Nguyễn Chí Thanh
458	Danh Thanh Tài	19/12/2003	Nam	Khmer	70.0	5.0	75.0	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THPT Nguyễn Hùng Sơn
459	Vi Văn Quyển	22/10/2003	Nam	Thái	52.0	5.0	57.0	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THPT Phú Quốc
460	Đoàn Thị Thanh	09/06/1993	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn GDQP-AN	THPT Quốc Thái
461	Đặng Thị Cẩm Ly	01/05/2003	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THCS và THPT Ba Hòn
462	Danh Sái	10/02/1993	Nam	Khmer	55.0	5.0	60.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THCS và THPT Ba Hòn
463	Trần Nguyễn Tuyết Anh	18/02/2002	Nữ	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THCS và THPT Bình Sơn
464	Mai Lê Trung Kiên	01/04/2002	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THCS và THPT Vân Khánh
465	Lưu Đăng Hội	02/02/2002	Nam	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên THPT môn GDTC	THCS và THPT Vĩnh Hòa
466	Nguyễn Thị Thông Minh	03/11/1995	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên THPT môn GDTC	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
467	Hà Thanh Long	12/04/1993	Nam	Khmer	66.0	5.0	71.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT An Biên
468	Lê Trọng Nhân	11/12/2003	Nam	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT Chi Lăng

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
469	Nguyễn Thanh Hải	01/05/2001	Nam	Kinh	79.5		79.5	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT Dương Đông
470	Phan Hoài Đạt	25/10/2003	Nam	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT Kiên Lương
471	Ngô Hùng Dương	11/09/2000	Nam	Kinh	83.0		83.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT Nguyễn Hùng Sơn
472	Trần Thanh Đạm	07/08/1992	Nam	Kinh	81.5		81.5	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT Nguyễn Trung Trực 2
473	Trần Minh Tài	14/01/2000	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT Quốc Thái
474	Danh Hoàng Khải	16/10/1989	Nam	Khmer	51.0	5.0	56.0	Giáo viên THPT môn GDTC	THPT Thoại Ngọc Hầu
475	Trịnh Ngọc Quý	12/05/2003	Nam	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên THPT môn Hóa học	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
476	Nguyễn Tấn Phú	24/12/2003	Nam	Kinh	61.5		61.5	Giáo viên THPT môn Hóa học	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
477	Nguyễn Yên Khoa	19/01/2003	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên THPT môn Hóa học	GDNN-GDTX cụm Gò Quao
478	Nguyễn Trung Toàn	13/07/2000	Nam	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên THPT môn Lịch sử	GDNN-GDTX Châu Thành
479	Dương Vĩ Khang	23/01/2003	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn Lịch sử	GDNN-GDTX Châu Thành
480	Phạm Thị Hồng Nga	05/07/1989	Nữ	Kinh	64.8		64.8	Giáo viên THPT môn Lịch sử	GDNN-GDTX Phú Tân
481	Đặng Mỹ Nhi	16/04/1996	Nữ	Hoa	59.3	5.0	64.3	Giáo viên THPT môn Lịch sử	GDNN-GDTX Thoại Sơn
482	Nguyễn Thị Minh Anh	30/05/2000	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn Lịch sử	GDNN-GDTX Tịnh Biên
483	Nguyễn Minh Phương	01/04/2003	Nam	Kinh	78.0		78.0	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THCS và THPT Bàn Tân Định
484	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	22/09/1998	Nữ	Kinh	61.8		61.8	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THCS và THPT Long Thạnh
485	Lê Thanh Phúc	09/09/1997	Nam	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THCS và THPT Vân Khánh
486	Đặng Văn Út	24/10/1982	Nam	Kinh	64.8		64.8	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT An Biên

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
487	Nguyễn Phú Châu	24/04/2003	Nam	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT An Phú
488	Tô Duy Khang	04/09/2003	Nam	Kinh	66.3		66.3	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT Châu Thành
489	Phạm Nguyễn Thành Dinh	01/03/2003	Nam	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
490	Nguyễn Văn On	07/08/1987	Nam	Kinh	55.3		55.3	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
491	Phạm Thị Cà Tươi	21/05/1996	Nữ	Kinh	51.3		51.3	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
492	Nguyễn Thị Nguyên	30/05/2000	Nữ	Kinh	61.3		61.3	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT Gò Quao
493	Nguyễn Thị Mỹ Vân	06/02/1996	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT Long Xuyên
494	Nguyễn Thị Kim Ngân	09/05/1999	Nữ	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT Nguyễn Bình Khiêm
495	Bùi Trọng Nghĩa	17/12/1999	Nam	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên THPT môn Lịch sử	THPT Võ Thị Sáu
496	Nguyễn Phương Quyên	19/04/1992	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX An Phú
497	Phạm Lê Quyên	11/02/2002	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX Châu Thành
498	Lê Thị Thúy Di	03/05/1995	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX Châu Thành
499	Nguyễn Thị Diễm Trang	29/05/1996	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX Châu Thành
500	Trần Ngọc Dung	17/11/2001	Nữ	Kinh	76.5		76.5	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
501	Thị Ngọc Quyền	27/11/1991	Nữ	Khmer	56.0	5.0	61.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
502	Lê Dương Khang	03/11/2002	Nam	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
503	Nguyễn Quốc Trung	18/06/2003	Nam	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
504	Nguyễn Thị Minh Thư	29/05/2003	Nữ	Kinh	61.8		61.8	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX Phú Tân

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
505	Dương Tấn Lộc	01/05/1999	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX Phú Tân
506	Huỳnh Công Khánh Duy	10/03/2003	Nam	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX Thoại Sơn
507	Nguyễn Thị Huỳnh Thanh	13/11/2001	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	GDNN-GDTX Thoại Sơn
508	Trần Thị Chúc Mai	05/05/2002	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Bàn Tân Định
509	Phan Thị Cẩm Quyên	20/03/1993	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Bình Chánh
510	Trần Thị Thảo Ngân	12/02/2003	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Hòa Hưng
511	Trần Thị Nhật Lan	06/04/2001	Nữ	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Long Thạnh
512	Trần Thị Liền	06/06/1996	Nữ	Kinh	62.3		62.3	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Mong Thọ
513	Lê Hoàng Đức	16/10/2000	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Mong Thọ
514	Văn Phước Hậu	09/09/2003	Nam	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Nam Yên
515	Lê Ngô Thảo Như	01/10/2002	Nữ	Kinh	64.3		64.3	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Nguyễn Văn Xiển
516	Lý Khải Đình	12/11/2003	Nữ	Khmer	61.0	5.0	66.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Phan Thị Ràng
517	Nguyễn Ngọc Nguyên Phương	27/12/2001	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Phan Thị Ràng
518	Phạm Lại Hoài Thương	14/02/2003	Nữ	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Vĩnh Hòa
519	Hồ Thanh Quyên	18/10/2002	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
520	Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/04/2001	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT An Minh
521	Nguyễn Ngọc Tường Vy	15/07/2003	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Châu Thành
522	Trần Thanh Duy	23/08/2003	Nam	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Chu Văn An

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
523	Nguyễn Thị Hằng	16/05/2002	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Chu Văn An
524	Nguyễn Hồng Nhó	12/01/2003	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
525	Đỗ Thị Mị	17/09/2003	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
526	Lâm Khả Ái	28/03/1995	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Lương Văn Cù
527	Nguyễn Thị Quyền	02/12/2000	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Nguyễn Chí Thanh
528	Huỳnh Thị Phụng	20/07/1987	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Nguyễn Hữu Cánh
529	Lê Nguyễn Tuấn Vỹ	10/11/2003	Nam	Kinh	52.3		52.3	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Nguyễn Trung Trực 2
530	Nguyễn Thị Kim Tuyền	25/12/2003	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Quốc Thái
531	Phạm Thị Mỹ Linh	15/04/1994	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Sóc Sơn
532	Nguyễn Thị Vàng	20/10/1990	Nữ	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên THPT môn Ngữ văn	THPT Tịnh Biên
533	Đỗ Minh Nhựt	29/06/2003	Nam	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn Sinh học	GDNN-GDTX Châu Thành
534	Trần Thị Muội	18/12/2002	Nữ	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên THPT môn Sinh học	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
535	Trần Minh Khởi	26/07/2003	Nam	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên THPT môn Sinh học	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
536	Huỳnh Thị Hiền Chị	16/12/2003	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên THPT môn Sinh học	GDNN-GDTX Cụm Gò Quao
537	Huỳnh Tuyết Nhi	03/08/2002	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Giáo viên THPT môn Sinh học	GDNN-GDTX Thoại Sơn
538	Phạm Hoài An	10/10/1997	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên THPT môn Sinh học	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
539	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	02/01/2000	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên THPT môn Sinh học	THPT Lương Văn Cù
540	Lê Trí Hiếu	10/10/2002	Nam	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên THPT môn Sinh học	THPT Nguyễn Hiền

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
541	Nguyễn Thảo Vy	24/11/2003	Nữ	Kinh	68.5		68.5	Giáo viên THPT môn Sinh học	THPT Sóc Sơn
542	Nguyễn Đăng Khoa	19/05/2003	Nam	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên THPT môn Sinh học	THPT Sóc Sơn
543	Lâm Hoàng Mỹ	23/10/2003	Nữ	Kinh	79.8		79.8	Giáo viên THPT môn Sinh học	THPT Thoại Ngọc Hầu
544	Nguyễn Hữu Hiệu	21/10/1998	Nam	Kinh	73.0		73.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	GDNN-GDTX cụm Hà Tiên
545	Phạm Hải Đăng	08/04/2000	Nam	Kinh	80.0		80.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THCS và THPT Bàn Tân Định
546	Cao Thị Ngọc Mai	02/03/2000	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THCS và THPT Bình Sơn
547	Âu Đại Phúc	09/05/2000	Nam	Kinh	76.0		76.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THCS và THPT Long Bình
548	Nguyễn Kiều Khanh	23/05/2001	Nữ	Khmer	51.3	5.0	56.3	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THCS và THPT Nam Thái Sơn
549	Nguyễn Thị Ngọc Nương	06/01/2001	Nữ	Kinh	68.0		68.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THCS và THPT Phan Thị Ràng
550	Phạm Hải Dương	01/01/2000	Nam	Kinh	65.0		65.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THCS và THPT Phan Thị Ràng
551	Đặng Phương Mai	08/10/2003	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THCS và THPT Thới Quản
552	Đồng Anh Thư	15/04/2001	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT An Minh
553	Hoàng Thị Hương	04/04/2001	Nữ	Kinh	68.8		68.8	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT An Thới
554	Hồ Văn Nghĩa	10/12/1988	Nam	Kinh	82.0		82.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Châu Thành
555	Châu Ngọc Thùy Dương	17/09/2000	Nữ	Kinh	78.0		78.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Châu Thị Tế
556	Lâm Thị Mỹ Duyên	05/09/2001	Nữ	Kinh	75.0		75.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Dương Đông
557	Trần Ngọc Minh	13/12/2002	Nữ	Kinh	81.0		81.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Huỳnh Thị Hường
558	Nguyễn Thế Hưng	05/11/2003	Nam	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thần Hiến

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
559	Trần Ngọc Đan	Châu	25/01/2003	Nữ	Hoa	79.0	5.0	84.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trung Trực 2
560	Lê Thị Ngọc	Hạnh	22/02/2001	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Sóc Sơn
561	Võ Thị Thu	An	07/07/2003	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Thoại Ngọc Hầu
562	Lê Hữu	Phước	06/02/2002	Nam	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên THPT môn Tiếng Anh	THPT Ung Văn Khiêm
563	Nguyễn Phú	Hào	28/09/1997	Nam	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên THPT môn Tin học	GDNN-GDTX Châu Thành
564	Nguyễn Văn Tường	Vi	25/06/2003	Nam	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên THPT môn Tin học	GDNN-GDTX Tịnh Biên
565	Nguyễn Quốc	Hùng	17/08/1997	Nam	Kinh	50.0	2.5	52.5	Giáo viên THPT môn Tin học	THCS và THPT Lại Sơn
566	Nguyễn An	Toàn	08/07/2003	Nam	Kinh	80.5		80.5	Giáo viên THPT môn Tin học	THPT Nguyễn Trung Trực 2
567	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	22/04/2003	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX Châu Thành
568	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	04/11/1991	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX Châu Thành
569	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	07/11/2002	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
570	Trần Đức	Lương	18/04/2003	Nam	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
571	Trần Văn	Tường	08/08/2003	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX cụm Giồng Riềng
572	Danh Thị Ngọc	Ánh	01/03/2002	Nữ	Khmer	57.3	5.0	62.3	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX Cụm Gò Quao
573	Phạm Thế	Hiền	24/02/1998	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX cụm Gò Quao
574	Trần Thị Huỳnh	Như	07/12/2003	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX Thoại Sơn
575	Lê Thị Thúy	Nga	05/03/2003	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên THPT môn Toán	GDNN-GDTX Tịnh Biên
576	Triệu Mỹ	Tâm	05/08/2003	Nữ	Hoa	54.0	5.0	59.0	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Bình Sơn

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
577	Trần Dũng Tiến	26/08/2003	Nam	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Bình Sơn
578	Nguyễn Chí An	20/08/2003	Nam	Kinh	57.3		57.3	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Bình Sơn
579	Nguyễn Ngọc Thịnh	15/11/2003	Nam	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Mong Thọ
580	Trần Minh Mẫn	23/04/2003	Nam	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Mong Thọ
581	Ngô Ngọc Nguyên	14/04/2002	Nam	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Nam Yên
582	Nguyễn Thị Tâm	07/03/2003	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Phan Thị Ràng
583	Nguyễn Công Thắm	11/03/1994	Nam	kinh	52.0		52.0	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Phan Thị Ràng
584	Nguyễn Thị Trúc Phương	27/11/2000	Nữ	Kinh	82.0		82.0	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Thạnh Lộc
585	Trần Khánh Vân	08/06/2002	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Toán	THCS và THPT Thới Quản
586	Nguyễn Trương Tô Hằng	25/12/1987	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Toán	THPT An Biên
587	Nguyễn Thị Diễm Kiều	25/10/2003	Nữ	Kinh	51.3		51.3	Giáo viên THPT môn Toán	THPT An Minh
588	Trần Thị Bích Hạnh	13/02/2003	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên THPT môn Toán	THPT Cây Dương
589	Huỳnh Văn Nghiêm	07/11/2002	Nam	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên THPT môn Toán	THPT Châu Phong
590	Lý Bách Tùng	13/01/2003	Nam	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên THPT môn Toán	THPT Châu Thành
591	Đặng Phước Vinh	08/09/1983	Nam	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên THPT môn Toán	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
592	Nguyễn Huỳnh Ngọc Nhi	08/05/2003	Nữ	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên THPT môn Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh
593	Nguyễn Văn Nghiêm	12/03/2003	Nam	Kinh	80.8		80.8	Giáo viên THPT môn Toán	THPT Thoại Ngọc Hầu
594	Huỳnh Trang Cẩm Ngọc	28/02/2003	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên THPT môn Toán	THPT Tịnh Biên

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
595	Phạm Nguyễn Nguyệt Hằng	20/08/1996	Nữ	Kinh	70.5		70.5	Giáo viên THPT môn Vật lý	GDNN-GDTX Thoại Sơn
596	Nguyễn Thị Thúy Huyền	22/04/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Vật lý	THPT Cây Dương
597	Phạm Ngọc Nhi	01/11/2002	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên THPT môn Vật lý	THPT Kiên Lương
598	Lưu Thiện Hiếu	22/11/2003	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên THPT môn Vật lý	THPT Nguyễn Trung Trực 2
599	Đào Văn Hưng	25/09/2000	Nam	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên tiểu học dạy Âm nhạc	TH A Châu Phong (xã Châu Phong)
600	Lê Thị Mỹ Duyên	28/05/2001	Nữ	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên tiểu học dạy Âm nhạc	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
601	Trần Thị Thùy Dương	04/05/1998	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên tiểu học dạy Âm nhạc	TH Minh Lương 3 (xã Châu Thành)
602	Huỳnh Nguyễn Chiêu Oanh	01/10/1998	Nữ	Kinh	52.3		52.3	Giáo viên tiểu học dạy Âm nhạc	TH Mỹ Phú (xã Mỹ Thuận)
603	Đinh Hoàng Thị Bích Liên	17/07/1999	Nữ	Kinh	69.3		69.3	Giáo viên tiểu học dạy Âm nhạc	TH Thạnh Lộc 5 (xã Thạnh Lộc)
604	Châu Bảo Châu	26/12/1996	Nam	Kinh	62.5		62.5	Giáo viên tiểu học dạy Âm nhạc	TH Trương Định (phường Rạch Giá)
605	Phạm Thị Nga	06/09/1987	Nữ	Kinh	62.3		62.3	Giáo viên tiểu học dạy Âm nhạc	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
606	Nguyễn Quốc Huy	09/05/2000	Nam	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH A Hòa Lạc (xã Hòa Lạc)
607	Lư Đức Toàn	30/07/2000	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH A thị trấn Núi Sập (xã Thoại Sơn)
608	Nguyễn Thị Huỳnh Kim	17/09/1999	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH B An Châu (xã An Châu)
609	Nguyễn Phan Nhật Minh	11/10/2003	Nam	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH C Tân Mỹ (xã Cù Lao Giêng)
610	Tô Hoàng Nhị	29/09/1990	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH C Vĩnh Xương (xã Vĩnh Xương)
611	Nguyễn Quốc Tuấn	11/09/1991	Nam	Kinh	51.3		51.3	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Đông Thái 1 (xã Đông Thái)
612	Nguyễn Phú Xuân	28/03/2003	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Hòa Hưng 2 (xã Hòa Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
613	Phạm Văn Trọng	16/03/1999	Nam	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Lương Thế Vinh (phường Châu Đốc)
614	Nguyễn Hoàng Trung	16/02/1986	Nam	Kinh	65.0		65.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Mường Kinh (xã Sơn Kiên)
615	Trương Tấn Mạnh	15/04/1990	Nam	Kinh	72.5		72.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Nam Thái A1 (xã Đông Thái)
616	Võ Thành Nam	03/09/1993	Nam	Kinh	64.3		64.3	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Tân An (xã Tân Hội)
617	Vũ Trường Giang	30/10/2001	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Thanh Lộc 8 (xã Thanh Lộc)
618	Lê Nhật Anh	14/01/2001	Nam	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Thị trấn Hòn Đất 1 (xã Hòn Đất)
619	Hồ Tú Em	18/05/1991	Nam	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Trần Thệ (xã Giang Thành)
620	Bùi Phước Thành	26/03/1996	Nam	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH và THCS Bãi Thơm (đặc khu Phú Quốc)
621	Huỳnh Đình Sanh	08/10/1982	Nam	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
622	Hồ Quốc Tuấn	22/08/1997	Nam	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH và THCS Hàm Ninh (đặc khu Phú Quốc)
623	Huỳnh Văn Nhó	10/11/1992	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH và THCS Nam Thái A (xã Đông Thái)
624	Nguyễn Văn Phụng	15/08/1990	Nam	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH và THCS Vĩnh Điều (xã Vĩnh Điều)
625	Phan Phú Thịnh	20/12/2001	Nam	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên tiểu học dạy Giáo dục thể chất	TH Vĩnh Bình Bắc 3 (xã Vĩnh Bình)
626	Nguyễn Nhật Huy	09/06/2001	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A An Hào (xã Núi Cấm)
627	Nguyễn Thị Anh Thư	25/06/1997	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Bình Hòa (xã Bình Hòa)
628	Nguyễn Thúy Bình	28/02/2003	Nữ	Kinh	65.8		65.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Bình Hòa (xã Bình Hòa)
629	Nguyễn Thị Trúc Linh	17/03/1996	Nữ	Kinh	51.9		51.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Bình Long (xã Châu Phú)
630	Dương Như Ý	27/11/2003	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Bình Mỹ (xã Bình Mỹ)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
631	Nguyễn Văn Thuận	01/01/1993	Nam	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Bình Mỹ (xã Bình Mỹ)
632	Võ Thị Trinh	04/08/1996	Nữ	Kinh	58.1		58.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Bình Phú (xã Châu Phú)
633	Lê Hoàng Thi	12/11/2003	Nữ	Kinh	53.3		53.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Bình Thủy (xã Bình Mỹ)
634	Nguyễn Thị Vân	22/12/2003	Nữ	Kinh	53.8		53.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Châu Phong (xã Châu Phong)
635	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	09/08/1999	Nữ	Kinh	53.3		53.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Chi Lăng (phường Chi Lăng)
636	Lê Hữu Định	28/09/2000	Nam	Kinh	80.3		80.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Cô Tô (xã Cô Tô)
637	Lê Thị Mai Hương	13/09/1996	Nữ	Kinh	77.5		77.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Cô Tô (xã Cô Tô)
638	Nguyễn Đoàn Thanh Giang	25/12/2002	Nữ	Kinh	75.5		75.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Cô Tô (xã Cô Tô)
639	Neáng Sóc	09/07/2001	Nữ	Khmer	53.1	5.0	58.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Cô Tô (xã Cô Tô)
640	Lâm Văn Hiếu	09/06/1989	Nam	Kinh	82.8		82.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
641	Tổng Thị Trúc Xuân	21/06/2003	Nữ	Kinh	74.0		74.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
642	Hồ Phương Tâm	21/09/2000	Nam	Kinh	69.4		69.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
643	Võ Thị Kiều Tiên	06/07/2002	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
644	Phan Trịnh Diễm My	13/12/2001	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
645	La Lê Ngọc Trân	19/04/2003	Nữ	Kinh	58.8		58.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
646	Nguyễn Thị Ngọc Yến	21/11/1997	Nữ	Kinh	58.1		58.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
647	Nguyễn Thị Dễ	29/11/1995	Nữ	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
648	Nguyễn Thị Kim Liên	17/11/2002	Nữ	Kinh	51.3		51.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Long An (xã Tân An)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
649	Lý Thị Nhi	22/09/1997	Nữ	Kinh	62.5		62.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Long Bình (xã Khánh Bình)
650	Lê Thị Diễm	23/05/1995	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Long Bình (xã Khánh Bình)
651	Huỳnh Thị Trúc	15/07/2002	Nữ	Kinh	56.4		56.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Long Bình (xã Khánh Bình)
652	Nguyễn Hồ Như	10/04/2003	Nữ	Kinh	60.3		60.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Long Kiến (xã Long Kiến)
653	Huỳnh Thị Diễm	03/05/1999	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Mỹ Đức (xã Mỹ Đức)
654	Đỗ Thị Thùy	27/04/2003	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)
655	Lê Huỳnh Thị Ngọc	07/12/2002	Nữ	Kinh	69.6		69.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Nhơn Hưng (phường Thới Sơn)
656	Tô Thị Ngọc	22/04/2002	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Nhơn Mỹ (xã Nhơn Mỹ)
657	Trịnh Huỳnh Thúy	01/01/2003	Nữ	Kinh	73.0		73.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Ô Long Vĩ (xã Thạnh Mỹ Tây)
658	Phạm Thị Lệ	31/01/2003	Nữ	Kinh	57.9		57.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Ô Long Vĩ (xã Thạnh Mỹ Tây)
659	Võ Thị Thanh	03/08/1998	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Ô Long Vĩ (xã Thạnh Mỹ Tây)
660	Võ Phan Đan	15/06/1997	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Ô Long Vĩ (xã Thạnh Mỹ Tây)
661	Nguyễn Ngọc Thuận	05/09/2003	Nữ	Kinh	65.0		65.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Phú Hòa (xã Phú Hòa)
662	Phạm Như Ý	25/09/2003	Nữ	Kinh	51.8		51.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Tà Đảnh (xã Cô Tô)
663	Nguyễn Dương Quỳnh Như	28/12/2003	Nữ	Kinh	51.4		51.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Tà Đảnh (xã Cô Tô)
664	Trần Thị Kim	14/11/2002	Nữ	Kinh	70.5		70.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Tân An (xã Tân An)
665	Lê Thị Hậu	20/07/1994	Nữ	Kinh	57.8		57.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Tân An (xã Tân An)
666	Trịnh Thị Kim Tiền	04/07/2003	Nữ	Kinh	80.8		80.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Tấn Mỹ (xã Cù Lao Giêng)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
667	Lâm Hoàng	Yến	20/04/2003	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Tấn Mỹ (xã Cù Lao Giêng)
668	Mai Anh	Đào	02/09/2003	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Thạnh Mỹ Tây (xã Thạnh Mỹ Tây)
669	Võ Thị Trúc	Lam	14/12/2002	Nữ	Kinh	64.3		64.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A thị trấn Mỹ Luông (xã Long Điền)
670	Huỳnh Thị Cẩm	Vân	06/02/2001	Nữ	Kinh	71.3		71.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Vĩnh Khánh (xã Vĩnh Trạch)
671	Hồ Thị Diễm	Hương	24/07/1996	Nữ	Kinh	65.8		65.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Vĩnh Khánh (xã Vĩnh Trạch)
672	Trần Ngọc Tuyết	Minh	12/07/2003	Nữ	Kinh	61.3		61.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Vĩnh Ngươn (phường Châu Đốc)
673	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	09/01/1998	Nữ	Kinh	60.8		60.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Vĩnh Phú (xã Định Mỹ)
674	Trần Thị Mỹ	Tiên	14/02/2003	Nữ	Kinh	53.8		53.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Vĩnh Phú (xã Định Mỹ)
675	Trần Thị Mỹ	Linh	08/01/1998	Nữ	Kinh	55.1		55.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH A Vĩnh Trung (xã An Cư)
676	Trịnh Thị Thảo	Uyên	12/06/2001	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Bình (xã Tây Phú)
677	Vũ Kim	Sang	13/03/2003	Nữ	Kinh	74.6		74.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Minh Bắc 1 (xã U Minh Thượng)
678	Ngô Kỳ	Anh	24/08/2000	Nữ	Kinh	62.4		62.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Minh Bắc 1 (xã U Minh Thượng)
679	Bùi Bảo	Ngọc	26/10/2002	Nữ	Kinh	70.5		70.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Thới 2 (đặc khu Phú Quốc)
680	Nguyễn Hà	Giang	21/04/2003	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Thới 2 (đặc khu Phú Quốc)
681	Phan Thị Thu	Hiền	05/01/2003	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Thới 2 (đặc khu Phú Quốc)
682	Neáng Si	Hêne	06/01/2003	Nữ	Khmer	60.3	5.0	65.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Thới 2 (đặc khu Phú Quốc)
683	Nguyễn Huynh Ly	Na	03/06/2003	Nữ	Kinh	62.8		62.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH An Thới 2 (đặc khu Phú Quốc)
684	Trần Kim	Bình	28/03/2003	Nữ	Kinh	69.8		69.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B An Túc (xã Ô Lâm)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
685	Neáng Chanh Ly	03/05/2001	Nữ	Khmer	50.5	5.0	55.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B An Túc (xã Ô Lâm)
686	Đinh Thy Khoa	05/05/2002	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Bình Long (xã Châu Phú)
687	Trương Quyên Đình	09/01/2002	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Bình Thạnh (xã Bình Hòa)
688	Nguyễn Thị Linh Xuân	06/01/2001	Nữ	Kinh	70.8		70.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Bình Thạnh (xã Bình Hòa)
689	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/08/2003	Nữ	Kinh	52.8		52.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Bình Thủy (xã Bình Mỹ)
690	Lâm Gia Thuận	09/09/1997	Nữ	Kinh	55.5		55.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Bình Thủy (xã Bình Mỹ)
691	Hồ Thị Mộng Cẩm	28/07/2003	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Châu Phong (xã Châu Phong)
692	Cao Thị Thuý Huỳnh	06/05/2003	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Châu Phong (xã Châu Phong)
693	Trần Huỳnh Tường Vi	18/05/2003	Nữ	Kinh	67.3		67.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Chi Lăng (phường Chi Lăng)
694	Phan Thị Ngọc Thư	19/09/2003	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Khánh Hòa (xã Mỹ Đức)
695	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	05/05/2003	Nữ	Kinh	64.9		64.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Mỹ Hiệp (xã Cù Lao Giêng)
696	Nguyễn Minh Mẫn	12/06/2003	Nam	Kinh	60.1		60.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Mỹ Hiệp (xã Cù Lao Giêng)
697	Phạm Thị Cẩm Vân	29/08/1999	Nữ	Kinh	54.6		54.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Mỹ Hiệp (xã Cù Lao Giêng)
698	Nguyễn Thị Y Phụng	19/09/2003	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Mỹ Phú (xã Vĩnh Thạnh Trung)
699	Neáng Sóc Bưon	21/02/1997	Nữ	Khmer	50.0	5.0	55.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Núi Tô (xã Tri Tôn)
700	Đinh Ngọc Đan Dung	08/03/1999	Nữ	Kinh	81.8		81.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Phú Hòa (xã Phú Hòa)
701	Nguyễn Thị Hồng Vy	04/10/2003	Nữ	Kinh	75.0		75.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Quốc Thái (xã Nhơn Hội)
702	Nguyễn Thị Ngọc Liên	30/11/1996	Nữ	Kinh	67.8		67.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Quốc Thái (xã Nhơn Hội)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
703	Nguyễn Thị Diễm My	13/09/1999	Nữ	Kinh	69.3		69.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Tà Đảnh (xã Cô Tô)
704	Trần Thị Cẩm Tiên	29/11/2003	Nữ	Kinh	68.5		68.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Tà Đảnh (xã Cô Tô)
705	Nguyễn Thị Hồng Đào	04/07/1996	Nữ	Kinh	77.0		77.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Tân Lợi (phường Chi Lăng)
706	Trần Thị Ánh Quỳnh	20/06/2003	Nữ	Kinh	73.3		73.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Tấn Mỹ (xã Cù Lao Giêng)
707	Trần Thị Anh Thư	14/07/2003	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Tấn Mỹ (xã Cù Lao Giêng)
708	Trần Thị Bích Ngọc	01/03/2003	Nữ	Kinh	68.4		68.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Thị Trấn Ba Chúc (xã Ba Chúc)
709	Phan Thị Hồng Cẩm	15/11/2002	Nữ	Kinh	56.1		56.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Thới Sơn (phường Thới Sơn)
710	Lê Thị Diễm Em	01/01/2003	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Vĩnh Chánh (xã Phú Hòa)
711	Nguyễn Thị Thu Loan	18/03/1998	Nữ	Kinh	59.4		59.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Vĩnh Chánh (xã Phú Hòa)
712	Trương Nguyễn Hồng Ngọc	22/03/2003	Nữ	Kinh	63.6		63.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Vĩnh Hanh (xã Vĩnh Hanh)
713	Đoàn Thanh Thái	01/12/2002	Nam	Kinh	68.0		68.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Vĩnh Phú (xã Định Mỹ)
714	Phạm Kim Nhi	16/10/2003	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Vĩnh Phú (xã Định Mỹ)
715	Nguyễn Trúc Chi	01/01/1994	Nữ	Kinh	72.3		72.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH B Vọng Đông (xã Óc Eo)
716	Danh Phạm Bảo Nhi	05/12/2003	Nữ	Khmer	59.0	5.0	64.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình An 1 (xã Bình An)
717	Trần Bảo Anh	01/08/1998	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình An 1 (xã Bình An)
718	Trần Thị Thu Trang	14/04/1996	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình An 3 (xã Bình An)
719	Lê Thị Thắm	03/09/1993	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình An 4 (xã Bình An)
720	Nguyễn Việt Hà	28/07/1993	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình An 4 (xã Bình An)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
721	Lê Thị Mộng	Thi	13/11/2002	Nữ	Kinh	67.8		67.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình Chánh (xã Bình Mỹ)
722	Lê Thị Bích	Ngọc	12/10/2002	Nữ	Kinh	51.1		51.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình Chánh (xã Bình Mỹ)
723	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	27/11/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình Chánh (xã Bình Mỹ)
724	Trần Diễm	Quỳnh	27/11/2003	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình Giang 2 (xã Bình Giang)
726	Đoàn Đức	Mến	19/11/2003	Nam	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bình Giang 2 (xã Bình Giang)
727	Võ Trương Kim	Tuyền	02/09/2003	Nữ	Kinh	51.3		51.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Bùi Thị Xuân (phường Long Xuyên)
728	Trương Anh	Thy	11/11/2003	Nữ	Kinh	88.8		88.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C An Hảo (xã Núi Cẩm)
729	Nguyễn Phong Vân	Anh	26/08/2003	Nữ	Kinh	72.8		72.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Bình Phú (xã Châu Phú)
730	Trần Thị Thùy	Quyên	15/11/2003	Nữ	Kinh	68.8		68.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Bình Phú (xã Châu Phú)
731	Từ Thị Cẩm	Chi	15/08/1996	Nữ	Kinh	67.8		67.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Bình Phú (xã Châu Phú)
732	Lê Thị Mỹ	Duyên	06/06/1999	Nữ	Kinh	67.8		67.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Bình Phú (xã Châu Phú)
733	Dương Nguyễn Diệp	Đan	29/12/1996	Nữ	Kinh	65.8		65.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Bình Phú (xã Châu Phú)
734	Trịnh Nguyễn Tú	Tài	01/01/2003	Nam	Kinh	57.8		57.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Mỹ Đức (xã Mỹ Đức)
735	Trương Dương Hồng	Châu	10/10/2002	Nữ	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Thạnh Mỹ Tây (xã Thạnh Mỹ Tây)
736	Đỗ Hoài	Thương	30/12/2003	Nữ	Kinh	68.8		68.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Thị Trấn Núi Sập (xã Thoại Sơn)
737	Lưu Ngọc Minh	Châu	29/07/2003	Nữ	Kinh	56.8		56.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C thị Trấn Núi Sập (xã Thoại Sơn)
738	Nguyễn Thị Ngọc	Cầm	02/09/1996	Nữ	Kinh	68.5		68.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Tịnh Biên (phường Tịnh Biên)
739	Lê Hoàng Thảo	Tiên	22/07/2003	Nữ	Kinh	63.0		63.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH C Tịnh Biên (phường Tịnh Biên)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
740	Phan Thị Ngọc	Điệp	27/06/1992	Nữ	Kinh	75.8		75.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Châu Văn Liêm (phường Long Xuyên)
741	Hồ Thị Kim	Xoàn	05/07/1989	Nữ	Kinh	73.8		73.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Châu Văn Liêm (phường Long Xuyên)
742	Phan Nhật	Hàn	16/05/2002	Nam	Kinh	73.5		73.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Châu Văn Liêm (phường Long Xuyên)
743	Trương Võ Hoàng	Yến	22/07/2003	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Châu Văn Liêm (phường Long Xuyên)
744	Nguyễn Phương	Vy	04/10/2003	Nữ	Kinh	68.3		68.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Châu Văn Liêm (phường Long Xuyên)
745	Trương Thúy	Vy	21/12/2001	Nữ	Kinh	68.1		68.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Châu Văn Liêm (phường Rạch Giá)
746	Lê Thị Thanh	Dung	27/03/1997	Nữ	Kinh	86.5		86.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Chu Văn An (phường Long Xuyên)
747	Tô Mỹ	Phương	10/09/1987	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Chu Văn An (phường Long Xuyên)
748	Trần Ngọc	Thành	24/11/2003	Nữ	Kinh	67.6		67.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Cửa Dương 2 (đặc khu Phú Quốc)
749	Trần Thị Ngọc	Dung	03/10/1996	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Cửa Dương 2 (đặc khu Phú Quốc)
750	Trần Thị Trúc	Phương	16/01/2000	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH D An Cư (xã An Cư)
751	Dương Hạnh	Nhi	05/06/2003	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH D Bình Mỹ (xã Bình Mỹ)
752	Phạm Thị Hồng	Đào	23/02/2003	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH D Bình Mỹ (xã Bình Mỹ)
753	Dương Thị Kim	Ngân	10/06/2003	Nữ	Kinh	50.1		50.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH D Mỹ Đức (xã Mỹ Đức)
754	Danh Thị Kim	Liên	26/03/1997	Nữ	Khmer	52.8	5.0	57.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Đoàn Thị Điểm (phường Vĩnh Tế)
755	Nguyễn Thị Trâm	Anh	27/10/2003	Nữ	Kinh	52.3		52.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Đông Hồ (phường Hà Tiên)
756	Trương Thị Kiều	Tiên	26/10/2003	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 1 (đặc khu Phú Quốc)
757	Huỳnh Thị Mộng	Thường	14/06/2002	Nữ	Kinh	56.9		56.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 1 (đặc khu Phú Quốc)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
758	Nguyễn Thị Mỹ Linh	14/09/1990	Nữ	Kinh	61.4		61.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 2 (đặc khu Phú Quốc)
759	Lý Thị Hương	20/04/1995	Nữ	Kinh	78.0		78.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 3 (đặc khu Phú Quốc)
760	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	16/07/2002	Nữ	Kinh	73.1		73.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 3 (đặc khu Phú Quốc)
761	Nguyễn Phan Thùy Trang	07/11/2002	Nữ	Kinh	60.3		60.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 3 (đặc khu Phú Quốc)
762	Đặng Ngọc Bảo Trân	13/03/2001	Nữ	Kinh	53.8		53.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 3 (đặc khu Phú Quốc)
763	Trần Đình Khang	01/11/2001	Nam	Kinh	50.8		50.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 3 (đặc khu Phú Quốc)
764	Bảo Thanh Thảo	11/08/2002	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Đông 3 (đặc khu Phú Quốc)
765	Dương Hiền Nương	29/12/1995	Nữ	Khmer	60.6	5.0	65.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Hòa (phường Tô Châu)
766	Nguyễn Thị Diệp Linh	25/05/1997	Nữ	Kinh	51.6		51.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Hòa (phường Tô Châu)
767	Trương Lê Mỹ Huyền	15/07/2003	Nữ	Kinh	66.8		66.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 1 (đặc khu Phú Quốc)
768	Nguyễn Triệu Vy	01/11/2003	Nữ	Kinh	61.4		61.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 1 (đặc khu Phú Quốc)
769	Hoàng Thị Phương Uyên	02/11/2003	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)
770	Mai Thị Khuyên	04/10/1997	Nữ	Kinh	75.8		75.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)
771	Hồ Lê Kim Hạnh	19/05/2003	Nữ	Kinh	65.0		65.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)
772	Cao Hồng The	02/10/2003	Nữ	Kinh	64.8		64.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)
773	Cao Thị Lan Anh	09/05/2003	Nữ	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)
774	Tôn Ngọc Huỳnh Lê	26/08/2003	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)
775	Lê Thảo Nguyên	28/03/2003	Nữ	Kinh	57.9		57.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
776	Lý Thị Thu Hà	15/10/2001	Nữ	Khmer	54.5	5.0	59.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Hòa Điền (xã Hòa Điền)
777	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	05/10/2003	Nữ	Kinh	51.9		51.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Hòa Điền (xã Hòa Điền)
778	Nguyễn Công Ngọc Hạ	20/02/1994	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Hòa Hưng 2 (xã Hòa Hưng)
779	Qui Kim Oanh	01/06/2001	Nữ	Kinh	50.9		50.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Hòa Tiến (xã Hòn Đất)
780	Lê Thị Như Ý	18/11/2003	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Hòa Tiến (xã Hòn Đất)
781	Phạm Trần Khánh Châu	01/07/2003	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Khánh Bình (xã Khánh Bình)
782	Lê Nguyễn Duy Linh	28/01/2001	Nam	Kinh	53.8		53.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lê Hồng Phong (phường Mỹ Thới)
783	Phan Thị Hồng Diệp	19/11/1998	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lê Hồng Phong (phường Mỹ Thới)
784	Phạm Như Ý	15/03/2002	Nữ	Kinh	57.3		57.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lê Lợi (phường Long Xuyên)
785	Đỗ Thị Thanh Quyên	12/10/2000	Nữ	Kinh	69.8		69.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lê Thị Hồng Gấm (phường Rạch Giá)
786	Nguyễn Thị Kim Tuyền	21/02/1994	Nữ	Kinh	62.8		62.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lê Thị Hồng Gấm (phường Rạch Giá)
787	Nguyễn Mỹ Quý	25/04/2003	Nữ	Kinh	63.3		63.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lê Trì (xã Ba Chúc)
788	Mai Hoàng Thái	21/02/2001	Nam	Kinh	78.5		78.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Linh Huỳnh (xã Hòn Đất)
789	Phạm Huyền Diệu	12/11/2003	Nữ	Kinh	58.9		58.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Linh Huỳnh (xã Hòn Đất)
790	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/11/2003	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lương Định Của (phường Châu Đốc)
791	Ngô Thị Kim Ngân	22/07/2003	Nữ	Kinh	64.5		64.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lương Thế Vinh (phường Châu Đốc)
792	Nguyễn Huỳnh Bảo Như	18/03/2001	Nữ	Kinh	50.4		50.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Lý Tự Trọng (phường Châu Đốc)
793	Mai Thị Thanh Huyền	12/06/2003	Nữ	Kinh	67.8		67.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Mạc Đĩnh Chi (phường Vĩnh Tế)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
794	Huỳnh	Như	06/10/1995	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Mạc Đĩnh Chi (phường Vĩnh Tế)
795	Danh Thị Hồng	Yến	22/10/1995	Nữ	Khmer	86.5	5.0	91.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Minh Lương 2 (xã Châu Thành)
796	Huỳnh Thoại	Sơn	17/01/2003	Nam	Kinh	61.8		61.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Minh Lương 2 (xã Châu Thành)
797	Huỳnh Thị Huế	Anh	31/05/2003	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Minh Lương 2 (xã Châu Thành)
798	Hà Mỹ	Thanh	25/05/2002	Nữ	Hoa	71.0	5.0	76.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Minh Lương 3 (xã Châu Thành)
799	Lê Thị Cẩm	Tiên	19/12/2001	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Minh Thuận 6 (xã U Minh Thượng)
800	Phan Thị Như	Ý	17/05/2003	Nữ	Kinh	79.8		79.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nam Thái Sơn (xã Hòn Đất)
801	Trần Mai Trúc	Quỳnh	08/11/2003	Nữ	Kinh	75.3		75.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nam Thái Sơn (xã Hòn Đất)
802	Nguyễn Thị Bích	Thảo	16/09/1994	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nguyễn Bình Khiêm (phường Long Xuyên)
803	Dư Quốc	Thông	28/11/1993	Nam	Kinh	66.3		66.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nguyễn Chí Thanh (phường Rạch Giá)
805	Lâm Tâm	Như	12/05/2003	Nữ	Khmer	61.4	5.0	66.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nguyễn Hiền (phường Rạch Giá)
806	Bùi Đoàn Tú	Trình	16/08/1995	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nguyễn Hiền (phường Vĩnh Tế)
807	Trương Thị Hoa	Đào	17/02/1994	Nữ	Kinh	62.8		62.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nguyễn Hữu Cảnh (xã Mỹ Hòa Hưng)
808	Mai Văn	Thiện	15/07/2002	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nguyễn Khuyến (phường Long Xuyên)
809	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/07/2003	Nữ	Kinh	77.3		77.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Nguyễn Thái Bình (phường Rạch Giá)
810	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	16/11/1995	Nữ	Kinh	77.8		77.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Phạm Ngũ Lão (phường Vĩnh Thông)
811	Danh Thị Tường	Duy	13/10/2001	Nữ	Khmer	60.5	5.0	65.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Phạm Ngũ Lão (phường Vĩnh Thông)
812	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	06/05/1995	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Phạm Ngũ Lão (phường Vĩnh Thông)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
813	Lê Thị Ánh	Dương	13/01/2003	Nữ	Kinh	71.3		71.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Pháo Đài 1 (phường Hà Tiên)
814	Dương Quỳnh	Như	27/11/2003	Nữ	Kinh	70.9		70.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Phú An (xã Phú An)
815	Lê Thị Ngân	Huỳnh	24/04/2000	Nữ	Kinh	53.8		53.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Phú An (xã Phú An)
816	Lý Thị Mỹ	Duyên	10/04/2003	Nữ	Kinh	78.8		78.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Phú Thuận (xã Phú Hòa)
817	Hà Thị Bích	Chăm	17/04/2003	Nữ	Kinh	67.8		67.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Quang Trung (xã Long Điền)
818	Nguyễn Thị Bích	Giang	21/12/1993	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Tân Lập (xã Núi Cẩm)
819	Lê Thị Thu	Ngọc	14/03/1997	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Tân Lập (xã Núi Cẩm)
820	Châu Nguyễn Tường	Vy	05/04/2002	Nữ	Khmer	53.1	5.0	58.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Tân Lập (xã Núi Cẩm)
821	Trần Thị Mỹ	Huyền	24/03/1998	Nữ	Kinh	59.1		59.1	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Tân Thành 2 (xã Tân Hội)
822	Hoàng Thị Mỹ	Liên	01/04/1999	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Tân Thành 2 (xã Tân Hội)
823	Diệp Ngọc	Linh	16/06/2002	Nữ	Kinh	57.9		57.9	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Thạnh Lộc 7 (xã Thạnh Lộc)
824	Võ Thị Thúy	Vy	23/08/2003	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Thạnh Lộc 8 (xã Thạnh Lộc)
825	Thị Thu	Giàu	15/02/1992	Nữ	Khmer	50.0	5.0	55.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Thạnh Lộc 8 (xã Thạnh Lộc)
826	Nguyễn Tuấn	Thanh	24/01/1997	Nam	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Thạnh Lộc 8 (xã Thạnh Lộc)
827	Đỗ Y	Bình	24/09/1992	Nữ	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Thạnh Yên 1 (xã Vĩnh Hòa)
828	Nguyễn Thị Hương	Trang	07/09/2001	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Trần Nhật Duật (phường Vĩnh Thông)
829	Nguyễn Trịnh Thảo	Trình	20/05/1998	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Trần Phú (phường Mỹ Thới)
830	Trần Thị Mỹ	Hằng	03/05/1999	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Trần Quang Khải (xã Mỹ Thới)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
831	Huỳnh Thị Hồng Ân	28/08/1995	Nữ	Kinh	62.5		62.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Trần Quốc Toàn (phường Vĩnh Thông)
832	Trần Thị Mi Ni	10/09/2002	Nữ	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Trung Vương (phường Châu Đốc)
833	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	12/09/2003	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Bãi Bồn (đặc khu Phú Quốc)
834	Nguyễn Quốc Qui	24/10/2003	Nam	Kinh	61.3		61.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Bãi Thơm (đặc khu Phú Quốc)
835	Nguyễn Huỳnh Huyền Trân	23/06/2003	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Bãi Thơm (đặc khu Phú Quốc)
836	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	30/11/1999	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Bình Trị (xã Kiên Lương)
837	Nguyễn Huỳnh Như Thê	16/01/2003	Nữ	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Bình Trị (xã Kiên Lương)
838	Hồ Dương Bích Trâm	01/11/2003	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Cửa Cạn (đặc khu Phú Quốc)
839	Lê Thị Kim Cương	22/05/2003	Nữ	Kinh	57.0		57.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Cửa Dương (đặc khu Phú Quốc)
840	Trần Thị Quỳnh Như	13/05/2002	Nữ	Kinh	74.8		74.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
841	Bùi Văn Toàn	25/11/2003	Nam	Kinh	73.5		73.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
842	Huỳnh Thị Phương Uyên	12/03/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
843	Châu Thị Mỹ Ái	29/12/2002	Nữ	Kinh	52.3		52.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Hàm Ninh (đặc khu Phú Quốc)
844	Hồ Hoàng Mỹ	07/04/2002	Nữ	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Nam Du (đặc khu Kiên Hải)
845	Trần Thị Thu Hương	21/03/1997	Nữ	Kinh	55.3		55.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Núi Cấm (xã Núi Cấm)
846	Nguyễn Thị Hồng Thu	10/12/1981	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Phan Huy Chú (phường Vĩnh Thông)
847	Hoàng Mỹ Linh	26/08/2002	Nữ	Kinh	68.5		68.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Tân Hội (xã Tân Hội)
848	Danh Chiến	01/08/1992	Nam	Khmer	55.5	5.0	60.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Thạnh Đông A2 (xã Thạnh Đông)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
849	Vũ Thị Kiều Trang	05/02/2000	Nữ	Kinh	50.6		50.6	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Vàm Rầy (xã Bình Sơn)
850	Nguyễn Thanh Diễm Mi	07/08/2002	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Vàm Rầy (xã Bình Sơn)
851	Nguyễn Thị Thùy Dương	19/11/1997	Nữ	Kinh	54.8		54.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Vân Khánh Tây (xã Vân Khánh)
852	Trần Thanh Lâm	01/07/1977	Nam	Kinh	50.4		50.4	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Vĩnh Phú B (xã Vĩnh Điều)
853	Bùi Thị Ngọc Thảo	26/10/2003	Nữ	Kinh	70.8		70.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH và THCS Vĩnh Phước (xã Vĩnh Gia)
854	Ro Kay Giah	10/08/2003	Nữ	Chăm	56.3	5.0	61.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Văn Giáo (xã An Cư)
855	Xà Thảo Quyên	18/01/2001	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vân Khánh Đông 2 (xã Đông Hưng)
856	Nguyễn Thị Hạnh	30/01/2002	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Gia (xã Vĩnh Gia)
857	Lê Tú Quỳnh	14/05/2003	Nữ	Kinh	58.8		58.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Gia (xã Vĩnh Gia)
858	Huỳnh Văn Toàn	28/02/1994	Nam	Kinh	52.8	2.5	55.3	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Hòa Hiệp 1 (xã Bình An)
859	Trần Thị Ngọc Yến	11/03/1998	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Hòa Hiệp 1 (xã Bình An)
860	Dương Thị Kim Thoa	15/07/2003	Nữ	Kinh	69.8		69.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Hòa Hiệp 2 (xã Bình An)
861	Võ Vân Anh	05/12/2003	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Hòa Hiệp 2 (xã Bình An)
862	Chau Ma Ly	10/02/2003	Nam	Khmer	56.8	5.0	61.8	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Hòa Hiệp 2 (xã Bình An)
863	Phạm Thị Bé Thơ	04/11/2000	Nữ	Kinh	61.0		61.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Hòa Hiệp 2 (xã Bình An)
864	Trần Huỳnh Liên	12/05/1999	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Hòa Hưng Nam 1 (xã Vĩnh Hòa Hưng)
865	Nguyễn Thị Mộng	06/11/2003	Nữ	Kinh	79.5		79.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Vĩnh Phong 3 (xã Vĩnh Phong)
866	Trần Thị Việt	30/08/2001	Nữ	Kinh	74.5		74.5	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Võ Thị Sáu (phường Mỹ Thới)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
867	Huỳnh Ngọc Tuyết	Xuân	18/09/2002	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Võ Thị Sáu (phường Mỹ Thới)
868	Trần Tường	Vy	08/4/2003	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Võ Thị Sáu (phường Mỹ Thới)
869	Nguyễn Thị	Thắm	10/10/2001	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên tiểu học dạy môn chung	TH Võ Thị Sáu (phường Mỹ Thới)
870	Lư Thị Ngọc	Sang	13/01/1992	Nữ	Kinh	50.8		50.8	Giáo viên tiểu học dạy Mỹ Thuật	TH A Bình Phú (xã Châu Phú)
871	Ngô Thị	Khiếp	25/07/1988	Nữ	Kinh	56.7		56.7	Giáo viên tiểu học dạy Mỹ Thuật	TH B Long Bình (xã Khánh Bình)
872	Nguyễn Thành	Uôi	16/02/1989	Nam	Kinh	59.4		59.4	Giáo viên tiểu học dạy Mỹ Thuật	TH B Vĩnh Nhuận (xã Vĩnh Hanh)
873	Phan Ngọc	Diệp	30/01/1987	Nữ	Kinh	54.8		54.8	Giáo viên tiểu học dạy Mỹ Thuật	TH Bàn Tân Định (xã Giồng Riềng)
874	Trần Thị Kim	Ngọc	27/06/2002	Nữ	Kinh	51.9		51.9	Giáo viên tiểu học dạy Mỹ Thuật	TH Bình Chánh (xã Bình Mỹ)
875	Thái Thị Anh	Thư	16/08/1990	Nữ	Kinh	50.6		50.6	Giáo viên tiểu học dạy Mỹ Thuật	TH Dương Đông 3 (đặc khu Phú Quốc)
876	Nguyễn Ngọc Mỹ	Quyên	29/03/2003	Nữ	Kinh	60.6		60.6	Giáo viên tiểu học dạy Mỹ Thuật	TH Vĩnh Lợi (xã Càn Đăng)
877	Nguyễn Kim	Cúc	10/02/2003	Nữ	Kinh	94.5		94.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Bình Thành (xã Thoại Sơn)
878	Huỳnh Thị Cẩm	Chi	24/01/2000	Nữ	Kinh	84.0		84.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Bình Thủy (xã Bình Mỹ)
879	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	20/01/1997	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
880	Phan Thiên	Quế	15/04/2002	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Khánh An (xã Khánh Bình)
881	Phạm Thị Mỹ	Thảo	03/03/2001	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Mỹ Đức (xã Mỹ Đức)
882	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	09/09/2002	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)
883	Phạm Thị	Giàu	01/04/2001	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Phú Hữu (xã Phú Hữu)
884	Lê Thị Ngọc	Giàu	03/11/1993	Nữ	Kinh	74.5		74.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH A Thạnh Mỹ Tây (xã Thạnh Mỹ Tây)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
885	Nguyễn Tuyết Nhi	17/01/2002	Nữ	Kinh	54.8		54.8	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH An Sơn (đặc khu Kiên Hải)
886	Bùi Thị Trang Đài	06/02/1996	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Âu Cơ (phường Rạch Giá)
887	Đặng Thị Cẩm Ngân	29/10/2003	Nữ	Kinh	81.0		81.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH B An Cư (xã An Cư)
888	Huỳnh Thị Tuyết Vân	01/03/2003	Nữ	Kinh	59.3		59.3	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH B Khánh An (xã Khánh Bình)
889	Trần Thị Ngọc Dề	16/04/1999	Nữ	Kinh	78.0		78.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH B Nhơn Hưng (phường Thới Sơn)
890	Mohamed Sara	05/12/2003	Nữ	Chăm	68.0	5.0	73.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH B Vĩnh Trường (xã Vĩnh Hậu)
891	Nguyễn Thị Ngọc Dung	03/05/2000	Nữ	Kinh	78.0		78.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Bình An (xã Kiên Lương)
892	Nguyễn Ngọc Minh Châu	24/06/1999	Nữ	Kinh	53.4		53.4	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Bình An 1 (xã Bình An)
893	Lâm Bích Kiều	29/12/1998	Nữ	Kinh	66.0		66.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Bình An 2 (xã Bình An)
894	Võ Thị Kiều Oanh	16/02/1987	Nữ	Kinh	81.5		81.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH C Tịnh Biên (phường Tịnh Biên)
895	Trần Thị Thúy Nga	16/07/1997	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Cửa Dương 2 (đặc khu Phú Quốc)
896	Quách Tiểu Ly	09/08/1997	Nữ	Khmer	64.3	5.0	69.3	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đình Bộ Lĩnh (phường Rạch Giá)
897	Huỳnh Thị Ngọc Điệp	16/04/2000	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đông Hòa 1 (xã Đông Hòa)
898	Trịnh Thị Mộng Ngân	16/03/1997	Nữ	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đông Hòa 4 (xã Đông Hòa)
899	Vũ Công Hiệu	07/07/2000	Nam	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đông Hòa 4 (xã Đông Hòa)
900	Trần Ngọc Thắm	09/08/1993	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đông Thái 2 (xã Đông Thái)
901	Danh Thúy Ngân	12/12/1996	Nữ	Khmer	50.5	5.0	55.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đông Thái 2 (xã Đông Thái)
902	Lê Thị Tuyết Mơ	09/01/1999	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đông Yên 1 (xã An Biên)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
903	Mai Kiều Trinh	08/01/2001	Nữ	Kinh	51.5		51.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Đông Yên 1 (xã An Biên)
904	Danh Thị Mỹ Duyên	22/02/2002	Nữ	Khmer	52.0	5.0	57.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Giục Tượng 1 (xã Châu Thành)
905	Phạm Thị Hồng Hạnh	20/07/1992	Nữ	Kinh	67.5		67.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Giục Tượng 2 (xã Châu Thành)
906	Nguyễn Phương Thảo	06/05/2003	Nữ	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Hòa Lợi (xã Hòa Hưng)
907	Nguyễn Việt Thu Sang	09/01/2002	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Hưng Yên 1 (xã An Biên)
908	Nguyễn Thị Màu	10/05/1994	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Minh Hòa 2 (xã Châu Thành)
909	Trần Thị Tuyết Mơ	13/04/2001	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Minh Lương 1 (xã Châu Thành)
910	Lê Ngọc Hân	01/08/2000	Nữ	Kinh	66.5		66.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Minh Lương 2 (xã Châu Thành)
911	Nguyễn Thị Cẩm Linh	07/07/1999	Nữ	Kinh	78.3		78.3	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Minh Thuận 1 (xã U Minh Thượng)
912	Quách Kỳ Anh	02/06/1999	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Minh Thuận 5 (xã U Minh Thượng)
913	Võ Nguyễn Anh Thư	03/04/2003	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Minh Thuận 6 (xã U Minh Thượng)
914	Nguyễn Thị Thùy Dương	26/09/2003	Nữ	Kinh	68.0		68.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Mỹ Thuận (xã Mỹ Thuận)
915	Danh Thị Sáng	21/09/2002	Nữ	Khmer	70.8	5.0	75.8	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Nam Thái 1 (xã Đông Thái)
916	Nguyễn Lưu Phương Nhi	05/11/2002	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Nam Yên 3 (xã Tây Yên)
917	Nguyễn Phương Tường	23/11/2001	Nữ	Kinh	76.8		76.8	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Ngọc Thành (xã Ngọc Chúc)
918	Nguyễn Thị Bội Giao	19/02/2001	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Nguyễn Văn Cung (phường Mỹ Thới)
919	Trần Xuân Quỳnh	27/09/2002	Nữ	Kinh	78.5		78.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Núi Voi (phường Chi Lăng)
920	Nguyễn Bá Chiến	20/06/1997	Nam	Kinh	87.0	2.5	89.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Phạm Ngũ Lão (phường Vĩnh Thông)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
921	Nguyễn Hoàng Hải	15/04/2002	Nam	Kinh	71.0		71.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Phạm Văn Hớn (xã Vĩnh Hòa)
922	Trần Thị Kim Luyến	29/12/2000	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Phú Thọ (xã Phú An)
923	Nguyễn Thị Thuỳ Lương	05/09/2003	Nữ	Kinh	75.0		75.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Sơn Kiên 3 (xã Sơn Kiên)
924	Trần Trung Hiếu	16/06/2000	Nam	Kinh	82.5		82.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Tân Thạnh (xã Tân An)
925	Phạm Diễm Kiều	13/04/2002	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Tân Thành 1 (xã Tân Hội)
926	Nguyễn Thị Cẩm Linh	07/03/1999	Nữ	Kinh	74.0		74.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Tân Thạnh 2 (xã Tân Thạnh)
927	Ngô Văn Hoá	22/09/2002	Nam	Kinh	61.5		61.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Tân Thạnh 2 (xã Tân Thạnh)
928	Đỗ Thị Anh Xuân	29/07/1998	Nữ	Kinh	69.3		69.3	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Tây Yên 2 (xã Tây Yên)
929	Trác Mỹ Hiền	12/01/2001	Nữ	Hoa	62.5	5.0	67.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Tây Yên A1 (xã Tây Yên)
930	Nguyễn Thị Hồng Diễm	09/08/2001	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thạnh Lộc (xã Thạnh Hưng)
931	Tô Lan Phương	08/05/1999	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thạnh Lộc 1 (xã Thạnh Lộc)
932	Nguyễn Ngọc Huyền	08/03/1996	Nữ	Kinh	56.8		56.8	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thạnh Lộc 6 (xã Thạnh Lộc)
933	Danh Thị Hồng Nguyên	17/10/1994	Nữ	Khmer	55.0	5.0	60.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thạnh Yên 2 (xã Vĩnh Hòa)
934	Huỳnh Dư Khánh Băng	02/07/2001	Nữ	Kinh	52.5		52.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thới Quán 1 (xã Định Hòa)
935	Trần Thị Cẩm Ly	25/09/2001	Nữ	Kinh	80.3		80.3	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thứ Ba 1 (xã An Biên)
936	Phạm Thị Quỳnh Như	04/10/2000	Nữ	Kinh	84.0		84.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thuận Hòa 1 (xã Tân Thạnh)
937	Vũ Thị Thảo Vi	20/11/1999	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thuận Hòa 1 (xã Tân Thạnh)
938	Huỳnh Kim Duyên	29/06/1997	Nữ	Kinh	76.0		76.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Thuận Hòa 4 (xã Tân Thạnh)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
939	Lê Trung Hậu	25/04/1999	Nam	Kinh	93.0		93.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Trần Nhật Duật (phường Vĩnh Thông)
940	Nguyễn Thị Mỹ Linh	27/08/2000	Nữ	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS An Minh Bắc 3 (xã U Minh Thượng)
941	Nguyễn Thị Yển	16/08/1994	Nữ	Kinh	69.5	5.0	74.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Cửa Cạn (đặc khu Phú Quốc)
942	Danh Mát Hay Me	26/07/1999	Nữ	Khmer	71.5	5.0	76.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Danh Thới (xã Long Thạnh)
943	Huỳnh Thị Yển	09/05/1998	Nữ	Kinh	53.5		53.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
944	Huỳnh Thị Nhận	12/01/1989	Nữ	Kinh	68.3		68.3	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Hàm Ninh (đặc khu Phú Quốc)
945	Nguyễn Thị Thanh Sang	10/10/2002	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Minh Thuận 4 (xã U Minh Thượng)
946	Võ Nguyễn Phương Anh	01/05/2002	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Ngọc Chúc (xã Ngọc Chúc)
947	Đỗ Trần Ái Vi	18/09/2002	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Ngọc Thuận (xã Ngọc Chúc)
948	Trần Thị Thảo Nguyên	11/02/2002	Nữ	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Nguyễn Văn Rỗ (xã Giồng Riềng)
949	Võ Trần Trúc Lam	19/07/2001	Nữ	Kinh	56.8		56.8	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Vân Khánh Tây (xã Vân Khánh)
950	Phạm Thị Ngọc Hân	01/09/1998	Nữ	Kinh	58.4		58.4	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Vĩnh Bình Nam (xã Vĩnh Bình)
951	Trần Thị Trúc Giang	19/10/2001	Nữ	Kinh	70.5		70.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Vĩnh Phú B (xã Vĩnh Điều)
952	Võ Hồng Yển	26/09/2000	Nữ	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH và THCS Vĩnh Phú B (xã Vĩnh Điều)
953	Lâm Huỳnh Huệ Chi	30/07/2000	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vân Khánh 1 (xã Vân Khánh)
954	Nguyễn Thị Ngoãn	06/10/2000	Nữ	Kinh	64.0		64.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vân Khánh Đông 1 (xã Đông Hưng)
955	Nguyễn Đoàn Vân Anh	09/03/1998	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vĩnh Hòa Hiệp 1 (xã Bình An)
956	Lê Thị Mỹ Quyên	30/06/2003	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vĩnh Hòa Hưng Bắc 1 (xã Vĩnh Hòa Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
957	Trần Thị Cẩm Loan	14/01/1999	Nữ	Khmer	77.3	5.0	82.3	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vĩnh Hòa Phú 1 (xã Bình An)
958	Danh Thị Diệu Tâm	23/11/2001	Nữ	Khmer	50.0	5.0	55.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vĩnh Hòa Phú 2 (xã Bình An)
959	Trần Mỹ Phương	18/05/1996	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vĩnh Phong 3 (xã Vĩnh Phong)
960	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	06/12/1990	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Vĩnh Thuận 1 (xã Vĩnh Thuận)
961	Tô Nguyễn Nhật Tân	02/12/2001	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	TH Võ Văn Kiệt (xã Vĩnh Thuận)
962	Đoàn Thị Bích Phượng	06/09/2001	Nữ	Kinh	53.0		53.0	Giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh	THCS Giồng Kề (xã Bình Giang)
963	Nguyễn Hữu Tài	12/05/1992	Nam	Kinh	75.0	5.0	80.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A An Cư (xã An Cư)
964	Nguyễn Thị Đoan Thùy	20/11/1992	Nữ	Kinh	61.3		61.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Bình Thủy (xã Bình Mỹ)
965	Lâm Nhựt Tân	20/10/2001	Nam	Kinh	57.5		57.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Cô Tô (xã Cô Tô)
966	Huỳnh Khanh	13/06/2003	Nữ	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Định Mỹ (xã Định Mỹ)
967	Đoàn Công Minh	20/09/1997	Nam	Kinh	61.3		61.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Hội An (xã Hội An)
968	Nguyễn Xuân Quỳnh Anh	01/10/2002	Nữ	Kinh	81.0		81.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Long Bình (xã Khánh Bình)
969	Nguyễn Minh Triết	20/03/2003	Nam	Kinh	53.3		53.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Lương An Trà (xã Vĩnh Gia)
970	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	22/08/2002	Nữ	Kinh	63.5		63.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Mỹ Hiệp (xã Cù Lao Giêng)
971	Đinh Tiến Giang	06/10/1983	Nam	Kinh	50.4		50.4	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Ô Long Vĩ (xã Thạnh Mỹ Tây)
972	Nguyễn Ngọc Anh	08/10/1992	Nam	Kinh	50.5		50.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Phú Thạnh (xã Chợ Vàm)
973	Đỗ Thành Đạt	15/01/2003	Nam	Kinh	60.0		60.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH A Vĩnh Lộc (xã Phú Hữu)
974	Nguyễn Văn Diện	20/02/1991	Nam	Kinh	58.5		58.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH An Minh Bắc 1 (xã U Minh Thượng)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
975	Nguyễn Thương Tính	10/11/1999	Nam	Kinh	82.5		82.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH An Minh Bắc 4 (xã U Minh Thượng)
976	Dương Nguyễn Như Quỳnh	30/10/2002	Nữ	Kinh	51.0		51.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH B Bình Long (xã Châu Phú)
977	Trần Văn Trọng	11/02/2003	Nam	Kinh	59.3		59.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH B Bình Phước Xuân (xã Cù Lao Giêng)
978	Trần Quang Minh	17/08/2003	Nam	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH B Mỹ Phú (xã Vĩnh Thạnh Trung)
979	Huỳnh Thanh Trúc	15/05/2003	Nữ	Kinh	56.5		56.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH B Vĩnh Hội Đông (xã An Phú)
980	Danh Thị Ngọc Thắm	09/02/2000	Nữ	Khmer	51.8	5.0	56.8	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Bình An 3 (xã Bình An)
981	Nguyễn Trần Diệu Ái	27/03/1996	Nữ	Kinh	59.0		59.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Bình An 4 (xã Bình An)
982	Trương Văn Thanh	16/10/1989	Nam	Kinh	64.3		64.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Bình Chánh (xã Bình Mỹ)
983	Lê Thị Thảo Ghi	28/03/2002	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Bình Giang 2 (xã Bình Giang)
984	Dương Hứa Hồng Hải	07/05/2002	Nam	Kinh	50.8		50.8	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH C Bình Mỹ (xã Bình Mỹ)
985	Trần Nam Phong	17/10/1992	Nam	Kinh	55.8		55.8	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH C Mỹ Đức (xã Mỹ Đức)
986	Trần Linh Tùng	24/04/2000	Nam	Kinh	77.5		77.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Châu Văn Liêm (phường Rạch Giá)
987	Bùi Kim Xuân	01/05/2002	Nữ	Kinh	58.9		58.9	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Đ Mỹ Đức (xã Mỹ Đức)
988	Ngô Văn Luân	01/02/2002	Nam	Kinh	58.3		58.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Đông Thái 2 (xã Đông Thái)
989	Trần Thanh Minh	11/07/1990	Nam	Kinh	67.3		67.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Kim Đồng (phường Rạch Giá)
990	Phan Minh Toàn	02/04/2002	Nam	Kinh	54.5		54.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Minh Hòa 3 (xã Châu Thành)
991	Nguyễn Ái Duy	30/06/1989	Nữ	Kinh	59.8		59.8	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Minh Hòa 4 (xã Châu Thành)
992	Mã Thị Thúy Duy	02/10/2002	Nữ	Kinh	50.3		50.3	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Nguyễn Chí Thanh (phường Rạch Giá)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
993	Nguyễn Thị Bích	Phượng	11/07/1987	Nữ	Kinh	80.4		80.4	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Nguyễn Thái Bình (phường Rạch Giá)
994	Lý Thành	Đạt	26/03/1999	Nam	Kinh	79.5		79.5	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Nguyễn Văn Trỗi (xã Long Điền)
995	Lê Hữu	Phước	16/10/2002	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Phú Lợi (xã Giang Thành)
996	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	20/10/2002	Nữ	Kinh	64.8		64.8	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Quang Trung (xã Long Điền)
997	Đoàn Thanh	Lộc	13/12/2001	Nam	Kinh	50.0		50.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Tây Yên A1 (xã Tây Yên)
998	Lê Kim	Ngân	12/07/1990	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Thạnh Lộc 3 (xã Thạnh Lộc)
999	Lê Quang	Toà	16/02/1993	Nam	Kinh	72.0		72.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Thạnh Lộc 4 (xã Thạnh Lộc)
1000	Huỳnh Trường	Giang	16/01/2002	Nam	Khmer	51.0	5.0	56.0	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Thạnh Lộc 8 (xã Thạnh Lộc)
1001	Ngô Thị	Thúy	14/05/1987	Nữ	Kinh	50.6		50.6	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Thạnh Lộc 9 (xã Thạnh Lộc)
1002	Lê Tuấn	Kiệt	18/06/2002	Nam	Kinh	59.6		59.6	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Trung Vương (phường Rạch Giá)
1003	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	07/09/1999	Nữ	Kinh	58.1		58.1	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH và THCS Bãi Bồn (đặc khu Phú Quốc)
1004	Nguyễn Phạm Minh	Thư	05/12/2003	Nữ	Kinh	59.8		59.8	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
1005	Vi Nghĩa	Đạt	17/02/2001	Nam	Hoa	52.4	5.0	57.4	Giáo viên tiểu học dạy Tin học	TH Vĩnh Tuy 2 (xã Vĩnh Tuy)
1006	Huỳnh Thị Thảo	Xương	28/11/2000	Nữ	Kinh	96.5		96.5	Kế toán viên trung cấp	GDNN-GDTX Tịnh Biên
1007	Nguyễn Thị Quế	Trân	14/09/2002	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Kế toán viên trung cấp	MG An Phú (phường Tịnh Biên)
1008	Lê Thị Bích	Trâm	19/6/1992	Nữ	Kinh	63.5	5.0	68.5	Kế toán viên trung cấp	MG Bình Long (xã Châu Phú)
1009	Trần Thị Tuyết	Nhung	25/03/1986	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Kế toán viên trung cấp	MG Hoàng Lan (phường Long Xuyên)
1010	Nguyễn Thị	Mụi	01/01/1990	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Kế toán viên trung cấp	MG Hoàng Yến (xã Mỹ Hòa Hưng)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1011	Võ Thị Thùy	Dương	19/04/1988	Nữ	Kinh	82.5		82.5	Kế toán viên trung cấp	MG Hướng Dương (phường Long Xuyên)
1012	Nguyễn Thị	Mén	04/07/1992	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Kế toán viên trung cấp	MG Phú Hữu (xã Phú Hữu)
1013	Nguyễn Thị Thu	Nga	01/8/2002	Nữ	Kinh	50.0		50.0	Kế toán viên trung cấp	MG Phú Lộc (xã Vĩnh Xương)
1014	Phạm Thị	Chiêu	01/01/1993	Nữ	Kinh	50.8		50.8	Kế toán viên trung cấp	MG Thạnh Lộc 2 (xã Thạnh Lộc)
1015	Nguyễn Phương	Kiều	02/6/1992	Nữ	Kinh	78.3		78.3	Kế toán viên trung cấp	MG Vĩnh Bình Nam (xã Vĩnh Bình)
1016	Thái Thị Kim	Nhanh	23/02/1997	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Kế toán viên trung cấp	MN An Minh Bắc 1 (xã U Minh Thượng)
1017	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	Nữ	Kinh	77.5		77.5	Kế toán viên trung cấp	MN Châu Phong (xã Châu Phong)
1018	Nguyễn Thị	Thị	01/01/1985	Nữ	Kinh	72.0		72.0	Kế toán viên trung cấp	MN Đông Thái (xã Đông Thái)
1019	Lê Minh	Thư	02/05/1994	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Kế toán viên trung cấp	MN Hoa Phụng (phường Long Xuyên)
1020	Lê Thị Ngọc	Giàu	03/5/2002	Nữ	Kinh	88.0		88.0	Kế toán viên trung cấp	MN Măng Non (phường Long Xuyên)
1021	Hà Thị Thanh	Thảo	08/01/1993	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Kế toán viên trung cấp	MN Minh Hòa (xã Châu Thành)
1022	Lê Hồ Ngọc	Anh	15/07/2000	Nữ	Kinh	72.8		72.8	Kế toán viên trung cấp	MN Tuổi Thơ (phường Long Xuyên)
1023	Nguyễn Thị	Hiếu	20/07/1982	Nữ	Kinh	71.0		71.0	Kế toán viên trung cấp	TH A Phú Hội (xã An Phú)
1024	Phan Thị	Ven	10/01/1984	Nữ	Kinh	74.0		74.0	Kế toán viên trung cấp	TH B Phú Hội (xã Nhơn Hội)
1025	Lê Thị Kiều	Hoa	07/03/1990	Nữ	Kinh	72.5		72.5	Kế toán viên trung cấp	TH C Hội An (xã Hội An)
1026	Võ Điều Nhu	Mỹ	01/10/1995	Nữ	Kinh	61.5		61.5	Kế toán viên trung cấp	TH C Long Giang (xã Nhơn Mỹ)
1027	Dương Tường	Vi	03/02/2002	Nữ	Kinh	74.0		74.0	Kế toán viên trung cấp	TH C Quốc Thái (xã Nhơn Hội)
1028	Tôn Thị Như	Ý	17/07/1998	Nữ	Kinh	80.5		80.5	Kế toán viên trung cấp	TH C Vĩnh Xương (xã Vĩnh Xương)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1029	Thái Thị Kim	Cương	10/08/2002	Nữ	Kinh	57.3		57.3	Kế toán viên trung cấp	TH D Châu Phong (xã Châu Phong)
1030	Trần Ngọc Thảo	Như	11/4/1994	Nữ	Kinh	69.0		69.0	Kế toán viên trung cấp	TH Đông Thái 3 (xã Đông Thái)
1031	Danh Nhật	Bồn	11/12/2001	Nam	Khmer	60.0	5.0	65.0	Kế toán viên trung cấp	TH Nam Thái 2 (xã Đông Thái)
1032	Lê Quốc	Huy	11/07/1991	Nam	Kinh	64.5		64.5	Kế toán viên trung cấp	TH Nguyễn Hữu Cảnh (xã Mỹ Hòa Hưng)
1033	Nguyễn Ngọc	My	'03/10/2001	Nữ	Kinh	71.0		71.0	Kế toán viên trung cấp	TH Tân Thuận 2 (xã Vĩnh Thuận)
1034	Trần Thị Bích	Phượng	24/07/1986	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Kế toán viên trung cấp	TH Tây Yên A1 (xã Tây Yên)
1035	Nguyễn Thị	Nhi	20/06/1994	Nữ	Kinh	80.0		80.0	Kế toán viên trung cấp	TH Thạnh Lộc 9 (xã Thạnh Lộc)
1036	Lê Thanh	Thảo	09/10/2002	Nam	Kinh	58.5		58.5	Kế toán viên trung cấp	TH Thứ Ba 1 (xã An Biên)
1037	Đặng Thị Huyền	Trang	20/12/1999	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Kế toán viên trung cấp	TH và THCS Bãi Bồn (đặc khu Phú Quốc)
1038	Tạ Quỳnh	Như	17/12/1996	Nữ	Kinh	76.8		76.8	Kế toán viên trung cấp	TH và THCS Tân Hiệp A3 (xã Thạnh Đông)
1039	Đỗ Thị Diễm	Hương	4/5/1997	Nữ	Kinh	73.8		73.8	Kế toán viên trung cấp	TH và THCS Tân Hội (xã Tân Hội)
1040	Lê Thị	Nhớ	30/07/1990	Nữ	Kinh	60.0		60.0	Kế toán viên trung cấp	TH Vĩnh Bình Bắc 3 (xã Vĩnh Bình)
1041	Danh Thanh	Vũ	12/03/1984	Nam	Khmer	69.0		69.0	Kế toán viên trung cấp	TH Vĩnh Hòa Hưng Nam 1 (xã Vĩnh Hòa Hưng)
1042	Neáng Chanh	Ly	01/01/1999	Nữ	Khmer	64.0	5.0	69.0	Kế toán viên trung cấp	TH Vĩnh Phú (xã Vĩnh Điều)
1043	Nguyễn Sơn	Trà	23/06/2003	Nữ	Kinh	72.5		72.5	Kế toán viên trung cấp	THCS An Phú (xã An Phú)
1044	Hồ Mỹ	Yến	16/11/1987	Nữ	Kinh	70.0		70.0	Kế toán viên trung cấp	THCS Mỹ Lâm (phường Vĩnh Thông)
1045	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	26/02/1999	Nữ	Kinh	58.0		58.0	Kế toán viên trung cấp	THCS Quán Cơ Thành (xã Bình Hòa)
1046	Lương Nguyễn Phước	Vinh	9/5/2004	Nam	Kinh	80.0		80.0	Kế toán viên trung cấp	THCS Tây Yên (xã Tây Yên)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1047	Nguyễn Hoàng Duy	25/07/2002	Nam	Kinh	80.0		80.0	Kế toán viên trung cấp	THCS và THPT Kiên Hải
1048	Ngô Nguyễn Thị Thùy Dung	25/12/1998	Nữ	Kinh	73.8		73.8	Kế toán viên trung cấp	THCS và THPT Long Thành
1049	Dương Thanh Kiều	08/03/1989	Nữ	Kinh	56.8		56.8	Kế toán viên trung cấp	THCS và THPT Minh Thuận
1050	Thị Thu Em	20/08/1996	Nữ	Khmer	82.5	5.0	87.5	Kế toán viên trung cấp	THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp
1051	Ngô Trần Như Thơ	01/07/2004	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Kế toán viên trung cấp	THCS và THPT Thạnh Lộc
1052	Lâm Khả Ái	20/05/2000	Nữ	Kinh	77.5		77.5	Kế toán viên trung cấp	THCS và THPT Thới Quản
1053	Võ Như Quỳnh	13/10/2000	Nữ	Kinh	69.5		69.5	Kế toán viên trung cấp	THCS và THPT Vân Khánh
1054	Trần Minh Văn	01/10/1984	Nam	Kinh	66.3		66.3	Kế toán viên trung cấp	THCS Vĩnh An (xã Vĩnh An)
1055	Bùi Quan Duy	03/09/2002	Nam	Kinh	73.0		73.0	Kế toán viên trung cấp	THCS Vĩnh Hội Đông (xã An Phú)
1056	Trần Thị Thúy Linh	28/03/2002	Nữ	Kinh	74.3		74.3	Kế toán viên trung cấp	THCS Vĩnh Phú (xã Vĩnh Điều)
1057	Nguyễn Thị Yên Nhi	30/08/1999	Nữ	Kinh	62.0		62.0	Kế toán viên trung cấp	THPT Cây Dương
1058	Bùi Thị Tuyết	12/03/2002	Nữ	Kinh	76.3		76.3	Kế toán viên trung cấp	THPT Dương Đông
1059	Khuong Vĩnh Toàn	15/08/1994	Nam	Kinh	60.0		60.0	Kế toán viên trung cấp	THPT Giồng Riềng
1060	Trần Hoàng Nam	09/04/2002	Nam	Kinh	55.5		55.5	Kế toán viên trung cấp	THPT Nguyễn Văn Hưởng
1061	Trần Đoàn Thăng	09/11/1997	Nam	Kinh	89.5	2.5	92.0	Nhân viên Giáo vụ	TH A An Cư (xã An Cư)
1062	Nguyễn Thị Minh Hiền	03/08/1984	Nữ	Kinh	91.8		91.8	Nhân viên Giáo vụ	TH An Thới 3 (đặc khu Phú Quốc)
1063	Đoàn Trung Tiến	24/10/1999	Nam	Kinh	74.0		74.0	Nhân viên Giáo vụ	TH Hòn Tre (đặc khu Kiên Hải)
1064	Huỳnh Ngọc Quyên	04/06/2000	Nữ	Kinh	93.0		93.0	Nhân viên Giáo vụ	TH Lê Văn Tám (phường Bình Đức)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1065	Nguyễn Hồ Tiến	Quốc	11/09/2000	Nam	Kinh	97.0		97.0	Nhân viên Giáo vụ	TH Nguyễn Bình Khiêm (phường Long Xuyên)
1066	Trương Thị Huyền	Trân	09/11/1990	Nữ	Kinh	61.5		61.5	Nhân viên Giáo vụ	TH Trần Phú (phường Mỹ Thới)
1067	Phạm Phương	Tính	19/10/1993	Nam	Kinh	50.0	2.5	52.5	Nhân viên Giáo vụ	TH và THCS Vân Khánh Tây (xã Vân Khánh)
1068	Hà Thị Hoa	Tím	14/02/1991	Nữ	Kinh	94.5		94.5	Nhân viên Giáo vụ	TH Vĩnh Hòa Hưng Nam 1 (xã Vĩnh Hòa Hưng)
1069	Lê Thị Mỹ	Tiên	24/12/1997	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Nhân viên Giáo vụ	THCS Minh Hòa (xã Châu Thành)
1070	Nguyễn Hữu	Nghị	20/06/1993	Nam	Kinh	83.0	2.5	85.5	Nhân viên Giáo vụ	THCS và THPT Vân Khánh
1071	Dương Thị Hồng	Vuông	09/04/1987	Nữ	Kinh	89.0		89.0	Nhân viên Giáo vụ	THCS Vĩnh Thạnh Trung (xã Vĩnh Thạnh Trung)
1072	Lương Thị Ánh	Thảo	27/12/1999	Nữ	Kinh	86.5		86.5	Nhân viên Giáo vụ	THPT An Minh
1073	Lữ Bội	Hình	28/09/2000	Nữ	Hoa	91.0	5.0	96.0	Nhân viên Giáo vụ	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
1074	Trần Vũ	Long	11/07/1997	Nam	Kinh	93.0		93.0	Nhân viên Giáo vụ	THPT Ngô Sĩ Liên
1075	Nguyễn Thành	Thân	10/10/1987	Nam	Kinh	94.0		94.0	Nhân viên Giáo vụ	THPT Sóc Sơn
1076	Thị Bích	Hạnh	10/04/1990	Nữ	Khmer	92.3	5.0	97.3	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	PTDTNT THCS Châu Thành
1077	Dương Thị Kim	Tuyền	18/4/1989	Nữ	Khmer	61.0	5.0	66.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	TH và THCS Bãi Bồn (đặc khu Phú Quốc)
1078	Phạm Ngọc	Hà	16/04/1990	Nữ	Kinh	91.0		91.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	TH và THCS Trần Hưng Đạo (phường Vĩnh Thông)
1079	Lâm Thị Ngọc	Trình	15/05/1996	Nữ	Kinh	95.0		95.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Bình Phú (xã Châu Phú)
1080	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	5/9/1997	Nữ	Kinh	78.8		78.8	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Cái Dầu (xã Châu Phú)
1081	Trần Thị	Diễm	21/07/1992	Nữ	Kinh	68.0		68.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Lê Hưng Nhượng (xã Hội An)
1082	Từ Thái	Vân	01/01/1989	Nam	Khmer	68.3	5.0	73.3	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Mai Thị Hồng Hạnh (xã Giồng Riềng)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1083	Nguyễn Thị Trúc	Phuong	09/4/2001	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Nguyễn Đình Chiểu (phường Châu Đốc)
1084	Nguyễn Thanh	Thảo	02/04/1997	Nữ	Kinh	93.5		93.5	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Nguyễn Văn Ba (xã Hội An)
1085	Phạm Thị	Gấm	07/3/1993	Nữ	Kinh	89.8		89.8	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Phú Thọ (xã Phú An)
1086	Phuong Anh	Thư	26/04/1982	Nữ	Tày	87.5	5.0	92.5	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
1087	Nguyễn Thị Huyền	Ngân	04/02/1985	Nữ	Kinh	91.0		91.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Vĩnh Hội Đông (xã An Phú)
1088	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	22/11/1989	Nữ	Kinh	65.0		65.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THPT An Biên
1089	Nguyễn Thị	Lý	22/10/1987	Nữ	Kinh	75.0		75.0	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THPT Nguyễn Trung Trực 1
1090	Võ Phuong	Thúy	29/04/1990	Nữ	Kinh	89.5		89.5	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THPT Thoại Ngọc Hầu
1091	Trần Thị Diễm	Hương	14/03/1998	Nữ	Kinh	56.3		56.3	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THPT Võ Thành Trinh
1092	Ngô Mỹ	Phụng	05/09/1987	Nữ	Hoa	85.0	5.0	90.0	Nhân viên Thủ quỹ	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
1093	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	20/7/1986	Nữ	Kinh	95.0		95.0	Nhân viên Y tế	MG Vàng Anh (phường Bình Đức)
1094	Lê Thanh	Thú	06/02/1991	Nam	Kinh	82.5		82.5	Nhân viên Y tế	MN Hòa Hưng (xã Hòa Hưng)
1095	Nguyễn Thiện	Toàn	13/11/1988	Nam	Kinh	71.0		71.0	Nhân viên Y tế	MN Nam Yên (xã Tây Yên)
1096	Trịnh Trần Khánh	Quỳnh	22/11/2003	Nữ	Kinh	66.8		66.8	Nhân viên Y tế	TH Chu Văn An (phường Long Xuyên)
1097	Bùi Như	Ý	25/10/1994	Nữ	Kinh	68.3		68.3	Nhân viên Y tế	TH Trần Quốc Toàn (phường Long Xuyên)
1098	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	13/07/1997	Nữ	Kinh	78.8		78.8	Nhân viên Y tế	THCS và THPT Định An
1099	Lâm Thị Ánh	Dương	08/01/2003	Nữ	Kinh	52.0		52.0	Nhân viên Y tế	THPT Châu Thành
1100	Dương Thị Hoàng	Vy	19/09/2000	Nữ	Kinh	79.0		79.0	Thư viện viên hạng IV	MN Hà Tiên (phường Hà Tiên)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1101	Danh Thị Kiều Oanh	26/03/1991	Nữ	Khmer	87.8	5.0	92.8	Thư viện viên hạng IV	PTDTNT THCS Châu Thành
1102	Đặng Ngọc Thảo	02/11/1988	Nữ	Kinh	58.5		58.5	Thư viện viên hạng IV	TH A An Cư (xã An Cư)
1103	Trần Thị Huyền Linh	07/06/1991	Nữ	Kinh	64.8		64.8	Thư viện viên hạng IV	TH A Hòa Bình (xã Hội An)
1104	Nguyễn Trường Giang	22/06/1992	Nam	Kinh	93.7		93.7	Thư viện viên hạng IV	TH A Mỹ An (xã Long Kiến)
1105	Võ Văn Chợt	08/07/2001	Nam	Kinh	88.3		88.3	Thư viện viên hạng IV	TH A Vĩnh An (xã Vĩnh An)
1106	Phù Minh Duy	30/05/1991	Nam	Hoa	98.0	5.0	103.0	Thư viện viên hạng IV	TH B Vĩnh Bình (xã Vĩnh An)
1107	Quách Huyền Anh	16/03/2000	Nữ	Khmer	62.8	5.0	67.8	Thư viện viên hạng IV	TH Bình An (xã Kiên Lương)
1108	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01/01/1996	Nữ	Kinh	97.0		97.0	Thư viện viên hạng IV	TH C Ô Long Vĩ (xã Thạnh Mỹ Tây)
1109	Lê Trà My	18/07/2001	Nữ	Kinh	100.0		100.0	Thư viện viên hạng IV	TH Châu Văn Liêm (phường Long Xuyên)
1110	Hồ Thị Nhung	25/05/1987	Nữ	Kinh	84.0		84.0	Thư viện viên hạng IV	TH Dương Tơ 1 (đặc khu Phú Quốc)
1111	Ninh Thị Ngọc Huyền	24/02/2000	Nữ	Kinh	60.8		60.8	Thư viện viên hạng IV	TH Dương Tơ 2 (đặc khu Phú Quốc)
1112	Trần Thị Mỹ Như	24/07/1998	Nữ	Kinh	74.3		74.3	Thư viện viên hạng IV	TH Hoàng Hoa Thám (phường Châu Đốc)
1113	Nguyễn Nhật Phương Lam	29/12/2001	Nữ	Kinh	54.0		54.0	Thư viện viên hạng IV	TH Lê Quý Đôn (phường Long Xuyên)
1114	Hồ Thị Thùy Quyên	26/05/1991	Nữ	Kinh	72.5		72.5	Thư viện viên hạng IV	TH Nguyễn Thái Bình (phường Rạch Giá)
1115	Diệp Phú Điền	04/12/1981	Nam	Kinh	59.8		59.8	Thư viện viên hạng IV	TH Phú Thuận (xã Phú Hòa)
1116	Ngô Thị Thúy Vi	25/04/1990	Nữ	Kinh	82.0		82.0	Thư viện viên hạng IV	TH Tân An (xã Tân Hội)
1117	Nguyễn Hoàng Nhật Hải	29/06/2003	Nam	Kinh	65.4		65.4	Thư viện viên hạng IV	TH Tân Thành 1 (xã Tân Hội)
1118	Nguyễn Yến Nhi	16/02/1993	Nữ	Kinh	50.5		50.5	Thư viện viên hạng IV	TH Thạnh Trị (xã Thạnh Đông)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1119	Nguyễn Thị Mai Phương	01/09/1999	Nữ	Kinh	60.5		60.5	Thư viện viên hạng IV	TH và THCS An Thới 2 (đặc khu Phú Quốc)
1120	Lê Tiến Đạt	14/04/1990	Nam	Kinh	92.0		92.0	Thư viện viên hạng IV	TH và THCS Bãi Thơm (đặc khu Phú Quốc)
1121	Trần Thị Hồng	13/07/1992	Nữ	Kinh	73.8		73.8	Thư viện viên hạng IV	TH và THCS Gành Dầu (đặc khu Phú Quốc)
1122	Nguyễn Thị Hào	01/01/1987	Nữ	Kinh	82.8		82.8	Thư viện viên hạng IV	TH và THCS Thổ Châu (đặc khu Thổ Châu)
1123	Mai Phi Cơ	22/03/1993	Nam	Kinh	80.0		80.0	Thư viện viên hạng IV	TH Vĩnh Phong 4 (xã Vĩnh Phong)
1124	Hồ Thị Như Quỳnh	29/08/2003	Nữ	Kinh	85.0		85.0	Thư viện viên hạng IV	THCS Bình Thạnh (xã Bình Hòa)
1125	Lê Thị Xuân	20/02/1991	Nữ	Kinh	75.3		75.3	Thư viện viên hạng IV	THCS Hòa Lạc (xã Hòa Lạc)
1126	Phạm Thị Minh Võ	12/5/1988	Nữ	Kinh	62.3		62.3	Thư viện viên hạng IV	THCS Lương Thế Vinh (phường Tịnh Biên)
1127	Tổng Thanh Huy	10/02/1997	Nam	Kinh	75.9		75.9	Thư viện viên hạng IV	THCS Nguyễn Kim Nha (xã Nhơn Mỹ)
1128	Hoàng Thị Yến	20/05/1991	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Thư viện viên hạng IV	THCS Nguyễn Trãi (phường Rạch Giá)
1129	Nguyễn Ngọc Phương Trang	27/01/2006	Nữ	Kinh	65.5		65.5	Thư viện viên hạng IV	THCS Phan Bội Châu (phường Châu Đốc)
1130	Nguyễn Duy Khánh	08/09/1990	Nam	Kinh	69.0		69.0	Thư viện viên hạng IV	THCS Phú Hiệp (xã Hòa Lạc)
1131	Đặng Phạm Thị Bích Trâm	04/01/2002	Nữ	Kinh	67.0		67.0	Thư viện viên hạng IV	THCS Triệu Thị Trinh (phường Long Xuyên)
1132	Trương Thị Tố Lan	15/10/1994	Nữ	Kinh	80.3		80.3	Thư viện viên hạng IV	THCS và THPT Đông Thái
1133	Phan Thị Thủy Vy	10/02/2003	Nữ	Kinh	63.5		63.5	Thư viện viên hạng IV	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
1134	Đào Nhật Tường Vi	31/03/2000	Nữ	Khmer	59.5	5.0	64.5	Thư viện viên hạng IV	THPT Cần Đăng
1135	Nguyễn Thị Thùy Dương	07/06/1991	Nữ	Kinh	97.0		97.0	Thư viện viên hạng IV	THPT Lương Văn Cù
1136	Nguyễn Thị Luận	19/08/1996	Nữ	Kinh	68.8		68.8	Thư viện viên hạng IV	THPT Nguyễn Thản Hiến

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1137	Chau Kim	Hai	01/01/1981	Nam	Khmer	67.8	5.0	72.8	Thư viện viên hạng IV	THPT Nguyễn Trung Trực 2
1138	Vương Thị Minh	Nhật	04/10/1992	Nữ	Kinh	96.5		96.5	Thư viện viên hạng IV	THPT Võ Thành Trinh
1139	Phan Thị Cẩm	Tiên	03/11/2000	Nữ	Kinh	55.0		55.0	Tư vấn học sinh	THCS Đông Hưng (xã An Minh)
1140	Trần Thị Trúc	Vy	28/05/2001	Nữ	Kinh	62.5		62.5	Tư vấn học sinh	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
1141	Phạm Thanh	Trà	17/09/1996	Nữ	Kinh	93.0		93.0	Tư vấn học sinh	THPT Chi Lăng
1142	Từ Ngọc	Trân	16/08/1998	Nữ	Kinh	93.0		93.0	Tư vấn học sinh	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
1143	Bành Nguyệt	Nhi	11/03/1993	Nữ	Kinh	56.0		56.0	Tư vấn học sinh	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
1144	Danh Thanh	Tâm	07/08/1999	Nam	Khmer	80.5	5.0	85.5	Tư vấn học sinh	THPT Nguyễn Hùng Sơn
1145	Nguyễn Thị	Kiều	14/12/1998	Nữ	Kinh	75.8		75.8	Tư vấn học sinh	THPT Nguyễn Quang Diêu
1146	Trần Thị Kiều	Phương	10/12/1992	Nữ	Kinh	91.5		91.5	Văn thư viên trung cấp	GDNN-GDTX An Phú
1147	Bùi Thị Kim	Thoa	13/11/1990	Nữ	Kinh	68.8		68.8	Văn thư viên trung cấp	GDNN-GDTX Châu Thành
1148	Đặng Minh	Thư	03/5/2003	Nữ	Kinh	89.8		89.8	Văn thư viên trung cấp	MG Hòa An (xã Hội An)
1149	Cao Thị	Ly	22/05/1993	Nữ	Kinh	80.3		80.3	Văn thư viên trung cấp	MG Nhơn Hội (xã Nhơn Hội)
1150	Nguyễn Thị My	Châu	03/03/1994	Nữ	Kinh	96.0		96.0	Văn thư viên trung cấp	MG Phước Hưng (xã Nhơn Hội)
1151	Phan Thị	Diễm	24/04/1984	Nữ	Kinh	95.0		95.0	Văn thư viên trung cấp	MG Quốc Thái (xã Nhơn Hội)
1152	Nguyễn Văn	Xiền	30/06/1986	Nam	Kinh	87.5		87.5	Văn thư viên trung cấp	MN An Sơn (đặc khu Kiên Hải)
1153	Lâm Thu	Trình	30/10/1986	Nữ	Kinh	59.5		59.5	Văn thư viên trung cấp	MN Bình Sơn (phường Hà Tiên)
1154	Huỳnh Thị Thùy	Trang	29/09/1996	Nữ	Kinh	71.5		71.5	Văn thư viên trung cấp	MN Đông Hòa 2 (xã Đông Hòa)

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1155	Dương Thị Yến	Duyên	06/8/1994	Nữ	Kinh	87.3		87.3	Văn thư viên trung cấp	MN Hoa Mai (xã Kiên Lương)
1156	Nguyễn Thị	Mến	06/01/1981	Nữ	Kinh	95.8	5.0	100.8	Văn thư viên trung cấp	MN Hòn Tre (đặc khu Kiên Hải)
1157	Danh Thị	Đào	16/06/1989	Nữ	Khmer	99.5	5.0	104.5	Văn thư viên trung cấp	MN Phú Mỹ (xã Giang Thành)
1158	Nguyễn Thị	Diễm	03/5/1987	Nữ	Kinh	93.0		93.0	Văn thư viên trung cấp	MN Tây Yên A (xã Tây Yên)
1159	Trần Lê	Hằng	08/5/1993	Nữ	Kinh	87.3		87.3	Văn thư viên trung cấp	MN Vân Khánh Đông (xã Đông Hưng)
1160	Neáng Kim	Anh	16/09/1996	Nữ	Khmer	98.5	5.0	103.5	Văn thư viên trung cấp	TH A Cô Tô (xã Cô Tô)
1161	Phạm Thị	Thảo	19/11/1985	Nữ	Kinh	98.3		98.3	Văn thư viên trung cấp	TH A Vĩnh Trung (xã An Cư)
1162	Nguyễn Văn Tùng	Lĩnh	02/09/1993	Nam	Kinh	99.5	2.5	102.0	Văn thư viên trung cấp	TH An Minh 2 (xã An Minh)
1163	Nguyễn Thị	Diễm	24/03/1992	Nữ	Kinh	97.0		97.0	Văn thư viên trung cấp	TH An Sơn (đặc khu Kiên Hải)
1164	Nguyễn Thị Thái	Thanh	23/07/1993	Nữ	Kinh	95.0		95.0	Văn thư viên trung cấp	TH An Thới 3 (đặc khu Phú Quốc)
1165	Lê Đăng	Khoa	04/01/1986	Nam	Kinh	98.0		98.0	Văn thư viên trung cấp	TH Bàn Tân Định (xã Giồng Riềng)
1166	Thái Thị Yến	Nhi	18/11/2003	Nữ	Kinh	100.0		100.0	Văn thư viên trung cấp	TH Bình San (phường Hà Tiên)
1167	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tuyết	Nhi	04/12/1995	Nữ	Kinh	86.0		86.0	Văn thư viên trung cấp	TH Cửa Dương 1 (đặc khu Phú Quốc)
1168	Hồ Phước	Lợi	15/02/1995	Nam	Kinh	90.0	2.5	92.5	Văn thư viên trung cấp	TH Đông Hưng 2 (xã An Minh)
1169	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/1986	Nữ	Kinh	98.8		98.8	Văn thư viên trung cấp	TH Dương Đông 2 (đặc khu Phú Quốc)
1170	Trần Thị Mai	Thảo	27/04/1992	Nữ	Kinh	94.8		94.8	Văn thư viên trung cấp	TH Hòn Tre (đặc khu Kiên Hải)
1171	Danh Minh	Thảo	06/3/1995	Nam	Khmer	98.5	5.0	103.5	Văn thư viên trung cấp	TH Ngọc Chúc (xã Ngọc Chúc)
1172	Phạm Thị Thanh	Trúc	07/06/1998	Nữ	Kinh	87.0		87.0	Văn thư viên trung cấp	TH Nguyễn Hiền (phường Vĩnh Tế)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1173	Trần Thanh Nữ	01/09/1983	Nữ	Kinh	93.3		93.3	Văn thư viên trung cấp	TH Tân Khánh Hòa (xã Giang Thành)
1174	Phạm Thị Ái Linh	17/03/1996	Nữ	Kinh	98.5		98.5	Văn thư viên trung cấp	TH Trần Quốc Toàn (đặc khu Kiên Hải)
1175	Lê Thị Thu Hương	27/05/1985	Nữ	Kinh	86.3		86.3	Văn thư viên trung cấp	TH và THCS Bãi Thơm (đặc khu Phú Quốc)
1176	Nguyễn Tấn Việt	27/9/2001	Nam	Kinh	50.0		50.0	Văn thư viên trung cấp	TH và THCS Mỹ Thái (xã Sơn Kiên)
1177	Đinh Thị Len	27/03/1990	Nữ	Kinh	86.3		86.3	Văn thư viên trung cấp	TH và THCS Nam Du (đặc khu Kiên Hải)
1178	Danh Thị Anh Đào	2/12/1992	Nữ	Khmer	77.0	5.0	82.0	Văn thư viên trung cấp	TH và THCS Nguyễn Văn Rỗ (xã Giồng Riềng)
1179	Đặng Văn Hùng	15/03/1984	Nam	Kinh	70.0		70.0	Văn thư viên trung cấp	TH và THCS Vĩnh Bình Nam 1 (xã Vĩnh Bình)
1180	Lê Thanh Tuyền	15/08/1985	Nữ	Kinh	70.5		70.5	Văn thư viên trung cấp	TH và THCS Vĩnh Điều (xã Vĩnh Điều)
1181	Trần Thị Thùy Trang	25/11/1987	Nữ	Kinh	95.0		95.0	Văn thư viên trung cấp	THCS Đông Hưng A (xã Đông Hưng)
1182	Nguyễn Thảo Phương	21/08/1995	Nữ	Kinh	98.5		98.5	Văn thư viên trung cấp	THCS Dương Đông 2 (đặc khu Phú Quốc)
1183	Phan Thị Thanh Nga	16/06/1986	Nữ	Kinh	99.0		99.0	Văn thư viên trung cấp	THCS Dương Tơ (đặc khu Phú Quốc)
1184	Bùi Quang Bảo	06/11/1993	Nam	Kinh	94.0		94.0	Văn thư viên trung cấp	THCS Long Thạnh (phường Tân Châu)
1185	Lê Thị Hồng Như	28/03/1989	Nữ	Kinh	98.5		98.5	Văn thư viên trung cấp	THCS Nguyễn Quang Sáng (xã Long Điền)
1186	Võ Thị Thu Hiền	01/01/1984	Nữ	Kinh	92.3		92.3	Văn thư viên trung cấp	THCS Nguyễn Thanh Sơn (xã Cù Lao Giêng)
1187	Trịnh Thị Cẩm Loan	15/05/1990	Nữ	Kinh	93.8		93.8	Văn thư viên trung cấp	THCS Tân Hòa (xã Tân Hội)
1188	Lê Cẩm Hướng	9/8/1989	Nữ	Kinh	93.8		93.8	Văn thư viên trung cấp	THCS Thạnh Yên (xã Vĩnh Hòa)
1189	Trần Bùi Hoàng Giang	18/08/1987	Nam	Kinh	85.8		85.8	Văn thư viên trung cấp	THCS Thị Trấn (xã Hòn Đất)
1190	Hình Chanh Sa Mát	19/02/1998	Nữ	Khmer	85.3	5.0	90.3	Văn thư viên trung cấp	THCS Thủy Liễu (xã Định Hòa)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Vị trí dự tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1191	Nguyễn Kim Huỳnh	18/10/1999	Nữ	Kinh	89.0		89.0	Văn thư viên trung cấp	THCS và THPT Bàn Tân Định
1192	Phạm Nguyễn Hoàng Lam	16/02/1999	Nữ	Kinh	82.3		82.3	Văn thư viên trung cấp	THCS và THPT Bình Long
1193	Cao Hoài Ân	01/09/1993	Nam	Kinh	90.0		90.0	Văn thư viên trung cấp	THCS và THPT Đông Thái
1194	Đào Tuấn Anh	05/01/1986	Nam	Kinh	82.5		82.5	Văn thư viên trung cấp	THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp
1195	Nguyễn Thị Huyền Minh	14/11/1996	Nữ	Kinh	97.8		97.8	Văn thư viên trung cấp	THCS Vĩnh Bình (xã Vĩnh An)
1196	Nguyễn Minh Tâm	06/8/1987	Nam	Kinh	94.0	2.5	96.5	Văn thư viên trung cấp	THCS Vĩnh Hòa Phú (xã Bình An)
1197	Phạm Thị Ngọc Giàu	17/03/1986	Nữ	Kinh	91.5		91.5	Văn thư viên trung cấp	THCS Vĩnh Phú (xã Vĩnh Điều)
1198	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/04/1999	Nữ	Kinh	98.5		98.5	Văn thư viên trung cấp	THPT Châu Phong
1199	Cao Minh Khoa	08/11/2003	Nam	Kinh	82.0		82.0	Văn thư viên trung cấp	THPT Xuân Tô
1200	Nguyễn Phương Hoàng Trúc	04/08/1993	Nam	Kinh	70.3		70.3	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trẻ em Khuyết tật An Giang (phường Mỹ Thới)

**TỔ THƯ KÝ
TỔ TRƯỞNG**



Lê Nhật Lan Huân

An Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2026
**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
Thiệu Văn Nam**